| | |
|---|---|
| **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| ---------- | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 112../2023/CV-TVB | ---------- |
| | *Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2023* |

# CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

**Kính gửi:** **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
**Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam**
**Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt**

- Mã chứng khoán: TVB

- Địa chỉ: Tầng 2, Số 142 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

- Điện thoại liên hệ: 024.6273 2059 Fax: 024. 6273 2058

- E-mail: tvsc@tvsc.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/04/2023 tại đường dẫn https://tvsc.vn/thong-tin-cong-bo/.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

***Tài liệu đính kèm:***

*- Báo cáo thường niên số 111../2023/BC-TVB*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT

**TRẦN THỊ RỒNG**

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

MỤC LỤC

**I. THÔNG TIN CHUNG** ..... **1**
1. Thông tin khái quát ..... 1
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh ..... 2
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý ..... 3
4. Định hướng phát triển ..... 4
5. Các rủi ro: ..... 5
**II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM** ..... **6**
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh ..... 6
2. Tổ chức và nhân sự ..... 12
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án ..... 17
4. Tình hình tài chính ..... 17
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu ..... 18
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty ..... 24
**III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC (BAN GIÁM ĐỐC BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH MỌI MẶT CỦA CÔNG TY)** ..... **25**
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh ..... 25
2. Tình hình tài chính ..... 26
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý. ..... 27
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai ..... 27
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần) ..... 28
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty ..... 28
**IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY** ..... **28**
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội ..... 28
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty ..... 29
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị ..... 29
**V. QUẢN TRỊ CÔNG TY** ..... **30**
1. Hội đồng quản trị ..... 30
2. Ban Kiểm soát ..... 33
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát 34
**VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH** ..... **39**
1. Ý kiến kiểm toán ..... 39
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán. ..... 39

| | |
|---|---|
| **CÔNG TY CỔ PHẦN**<br>**CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| *Số: 111../2023/BC-TVB* | *Hà Nội, ngày 20 tháng 4.. năm 2023* |

# BÁO CÁO
## Thường niên năm 2022

***Kính gửi:*** - **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.**

## I. THÔNG TIN CHUNG
### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Giấy phép HĐKD số 46/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 28/12/2006 và Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất số 01/GPĐC-UBCK ngày 07/01/2022.
- Vốn điều lệ: 1.120.970.190.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.120.970.190.000 đồng
- Địa chỉ: Tầng 2, Số 142 Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: 0246 273 2059
- Số fax: 0246 273 2058
- Website: https://tvsc.vn/
- Mã cổ phiếu: TVB
- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt (Công ty - TVB) đã trải qua 3 giai đoạn phát triển: Giai đoạn thành lập và phát triển; Giai đoạn mở rộng quy mô phát triển và Giai đoạn nâng cao hiệu quả hoạt động, hoàn thiện.

- **Giai đoạn 2006 – 2010: Thành lập và phát triển**

+ Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt tiền thân là Công ty cổ phần Chứng khoán Thái Bình Dương, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015199 ngày 22/12/2006 và Giấy phép hoạt động số 46/UBCK-GPHĐKD do UBCK cấp ngày 28/12/2006 với vốn điều lệ ban đầu là 28 tỷ đồng.

+ 20/08/2010: UBCKNN chấp thuận việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Thái Bình Dương thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt. Vốn điều lệ mới của Công ty là 51,8 tỷ đồng.

- **Giai đoạn 2010 – 2017: Mở rộng quy mô phát triển**

+ 27/09/2010: Tăng vốn điều lệ từ 51,8 tỷ đồng lên 96 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 359/UBCK-GP do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 19/10/2010. Trong tháng 10/2010, Công ty chuyển

trụ sở từ 97 Trần Quốc Toản, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội sang Tầng 2, số 142 Đội Cấn, Quận Ba Đình, Hà Nội.

+ 09/06/2015: CTCP Chứng khoán Trí Việt được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) chấp thuận giao dịch trên sàn Upcom với mã chứng khoán TVB theo Quyết định số 337/QĐ-SGDHN.

+ 13/03/2017: Thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

+ 31/05/2017: Tăng vốn từ 96 tỷ đồng lên 150,2 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 20/GPĐC-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 31/05/2017.

- **Giai đoạn 2018 – nay: Nâng cao hiệu quả hoạt động, hoàn thiện hệ sinh thái đầu tư tài chính T-corp**

+ 13/06/2018: TVB được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) theo Quyết định số 208/QĐ-SGDHCM.

+ 08/08/2018: Tăng vốn từ 150 tỷ đồng lên 161,9 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 61/GPĐC-UBCK.

+ 14/03/2019: Tăng vốn từ 161,9 tỷ đồng lên 242,87 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK.

+ 30/10/2019: Tăng vốn từ 242,87 tỷ đồng lên 485,74 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 66/GPĐC-UBCK.

+ 18/11/2019: TVB lọt Top 5 Công ty Chứng khoán thuộc bộ chỉ số VNFIN SELECT do HOSE công bố.

+ 24/08/2020: Tăng vốn từ 485,74 tỷ đồng lên 521,19 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK.

+ 02/12/2020: Tăng vốn từ 521,19 tỷ đồng lên 547,25 tỷ đồng Giấy phép điều chỉnh số 79/GPĐC-UBCK.

+ 23/04/2021: Tăng vốn từ 547,25 tỷ đồng lên 711,438 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK.

+ 10/08/2021: Tăng vốn từ 711,43 tỷ đồng lên 1.067,15 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 68/GPĐC-UBCK. Tổng tài sản bán niên năm 2021 TVB đạt 1.151,78 tỷ đồng.

+ 07/01/2022: Tăng vốn từ 1.067,15 tỷ đồng lên 1.120 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK. Tổng tài sản năm 2021 TVB đạt 1.805,14 tỷ đồng.

+ 28/06/2022: Hoàn thành đợt chào bán 81.5587 cổ phiếu ra công chúng theo Báo cáo kết quả chào bán số 142/2022/BC-TVB, nâng tổng số lượng cổ phiếu niêm yết của TVB tại HOSE lên 112.097.019 cổ phiếu theo Quyết định số 540/QĐ-SGDHCM ngày 02/08/2022.

**2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

- **Ngành nghề kinh doanh:**
  - Môi giới chứng khoán;
  - Tự doanh chứng khoán;
  - Tư vấn đầu tư chứng khoán;
  - Lưu ký chứng khoán;
  - Bảo lãnh phát hành chứng khoán

Dịch vụ khác gồm: Cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ (Margin), Tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân, Dịch vụ ứng trước tiền bán và các dịch vụ tài chính khác theo quy định.

- Địa bàn kinh doanh: Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt đặt trụ sở chính tại Tầng 2, số 142 Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội và Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh tại Tầng 2, tòa nhà Topaz số 66 Phó Đức Chính, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

- **Mô hình quản trị:**

Mô hình quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt theo mô hình quy định tại khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020 bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban chức năng. Công ty thực hiện quy định phân cấp thẩm quyền đối với từng cấp quản trị. Các bộ phận thành lập và hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ cụ thể.

- **Cơ cấu bộ máy quản lý:**

Hiện tại, Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt được tổ chức quản lý và điều hành theo mô hình quản trị công ty cổ phần có Ban kiểm soát, tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Sơ đồ tổ chức quản lý Công ty được xây dựng dựa trên chức năng, nhiệm vụ các bộ phận đảm bảo liên kết chặt chẽ, vận hành linh hoạt và phù hợp với lĩnh vực hoạt động.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT (TVB)

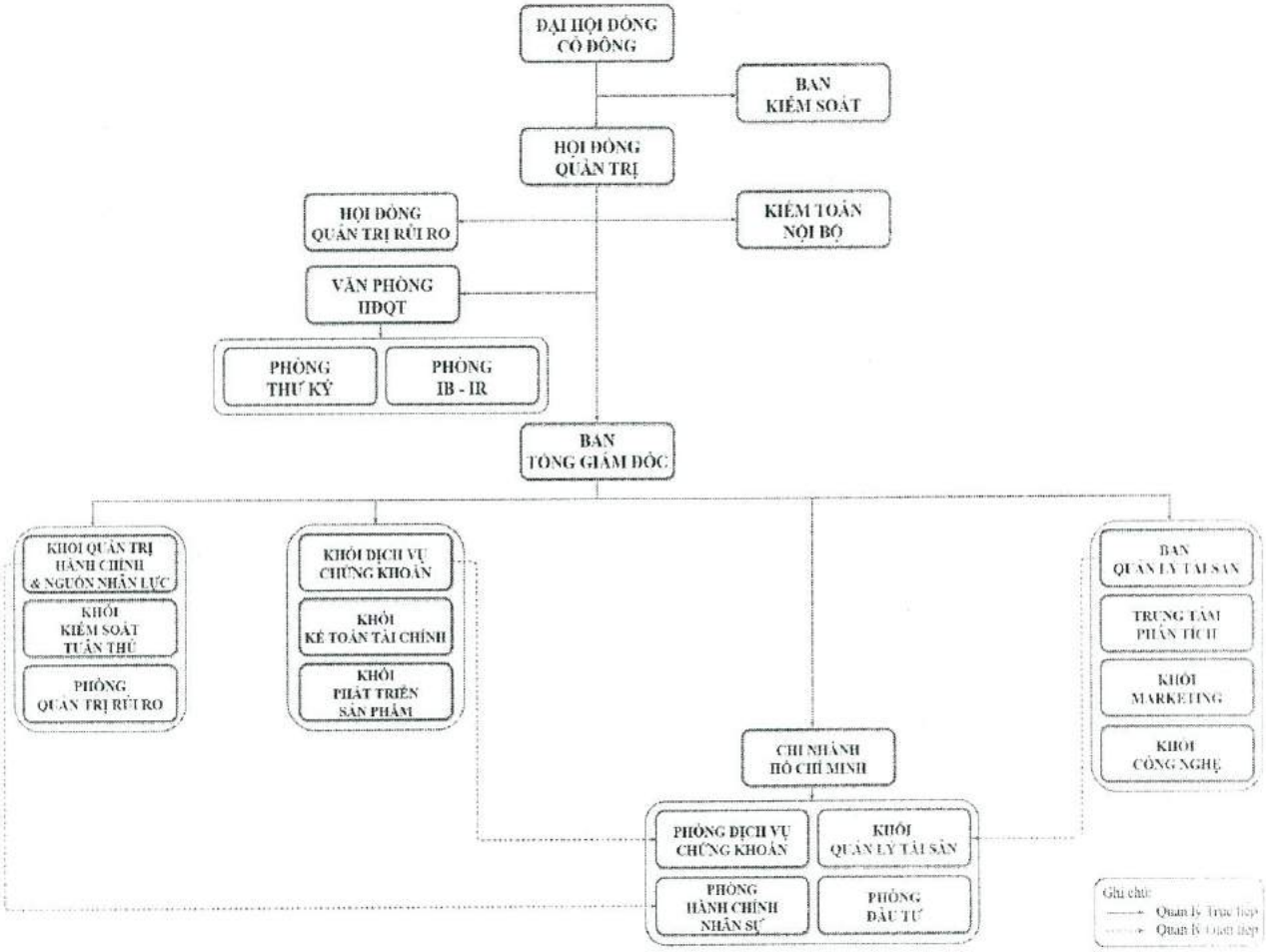

**CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH:** Chi nhánh Hồ Chí Minh là đơn vị hạch toán phụ thuộc và chịu sự quản lý trực tiếp của Tổng Giám đốc, được thành lập theo quyết định của HĐQT và giấy phép thành lập và hoạt động của UBCKNN.

Chi nhánh Hồ Chí Minh có các Khối kinh doanh môi giới phía nam, Khối kinh doanh nguồn vốn, Khối Nghiệp vụ hỗ trợ. Tuy nhiên có thêm các bộ phận văn phòng như hành chính, nhân sự, lễ tân… Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Công ty về kết quả kinh doanh dịch của Chi nhánh và chịu trách nhiệm trước khách hàng, Pháp luật của Nhà nước về dịch vụ do Chi nhánh thực hiện.

Các phòng ban chức năng: Các phòng ban chức năng thực hiện các công việc nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được hiểu quả và đúng pháp luật

- **Các công ty con, công ty liên kết:** Không có.

**4. Định hướng phát triển**

Trên cơ sở tuân thủ nghiêm túc, đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam, hoạt động kinh doanh của công ty luôn nhằm mang lại lợi ích tối đa cho các cổ đông và người lao động trong công ty.

- **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

✓ Công ty phấn đấu trở thành một trong những định chế tài chính với thương hiệu mạnh và uy tín trên thị trường.

✓ Cấu trúc lại các mảng kinh doanh để phát triển theo hướng an toàn, bền vững. Tiếp tục thực hiện chặt chẽ chu trình quản trị, kiểm soát rủi ro trong các hoạt động kinh doanh của công ty.

✓ Tập trung chuyển đổi số toàn diện, cải thiện sản phẩm, dịch vụ và nâng cao trải nghiệm của khách hàng giao dịch.

✓ Xây dựng văn hóa doanh nghiệp và tạo môi trường làm việc tốt nhất cho mọi thành viên trong công ty.

- **Chiến lược phát triển dài hạn của các mảng kinh doanh chính:**

❖ ***Đối với hoạt động Môi giới:***

• Tối ưu hóa quy trình, thủ tục và tích cực ứng dụng số hóa trong quá trình mở tài khoản cho khách hàng.

• Thực hiện nâng cấp, cải tiến phần mềm giao dịch trên các nền tảng, ứng dụng khác nhau nhằm gia tăng trải nghiệm của khách hàng.

• Cung cấp các báo cáo phân tích, cập nhật nhằm hỗ trợ, cung cấp thông tin cho khách hàng trong việc ra các quyết định đầu tư.

❖ ***Đối với hoạt động Cho vay ký quỹ:***

• Mở rộng, phát triển tệp khách hàng tiềm năng từ hệ sinh thái của tập đoàn.

• Liên tục cải thiện các mô hình quản trị rủi ro cả về định lượng và định tính nhằm xây dựng các kịch bản có thể xảy ra trong tương lai kèm theo phương án xử lý tương ứng, nhằm quản trị danh mục cho vay một cách an toàn và có hiệu quả.

❖ ***Đối với hoạt động Tự doanh:***

• Xây dựng danh mục đầu tư, triển khai thực hiện các quyết định đầu tư và quản trị danh mục theo chiến lược đã được vạch ra dựa trên nền tảng phân tích, nghiên cứu chuyên sâu về kinh tế vĩ mô, triển vọng các ngành nghề, doanh nghiệp trên thị trường chứng khoán.

**5. Các rủi ro:**

- ***Rủi ro pháp lý:***

• Rủi ro pháp lý là loại rủi ro phát sinh khi Công ty không tuân thủ, không tuân thủ đầy đủ, không đúng quy trình theo quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình hoạt động. TVB chịu sự chi phối trực tiếp bởi Luật chứng khoán, Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư và các luật khác có liên quan.

• Công ty nhận thức được các quy định pháp luật về ngành có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động kinh doanh của công ty. Vậy nên để hạn chế rủi ro này, công ty luôn thực hiện cập nhật, đánh giá và áp dụng kịp thời các văn bản mới ban hành, văn bản sửa đổi/ bổ sung để điều chỉnh hoạt động của mình. Ngoài ra, công ty cũng thường xuyên thực hiện rà soát, kiểm tra lại các văn bản nội bộ, các hợp đồng đã ký kết nhằm đảm bảo phù hợp và tuân thủ với các quy định của pháp luật.

• Ngày 09/12/2023 Viện kiểm soát nhân dân Tối cao ra Quyết định phê chuẩn Quyết định khởi tố bị can số 298/QĐ-VKSTC-V5. Theo đó, phê chuẩn Quyết định khởi tố bị can đối với Ông Phạm Thanh Tùng – Chủ tịch HĐQT Công ty về tội Thao túng thị trường chứng khoán căn cứ theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 20/QĐ-CSKT-P10 ngày 20/04/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

• Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, Báo cáo thường niên cơ quan chức năng chưa xét xử và tuyên án vi phạm của cá nhân nêu trên.

- ***Rủi ro thị trường:***

• Rủi ro thị trường là rủi ro xuất phát từ ảnh hưởng của các thay đổi về lãi suất, tỷ giá, giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, … đến giá trị các khoản đầu tư của danh mục tự doanh, giá trị chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ký quỹ của công ty, …

• Để giảm thiểu các rủi ro này, công ty luôn đảm bảo duy trì công tác quản trị rủi ro mang tính chuyên sâu, phối hợp với các bộ phận liên quan để theo dõi, nhận định, dự báo thị trường nhằm triển khai các chiến lược đầu tư, phân tán rủi ro, quy trình xử lý rủi ro phù hợp với các kịch bản có thể xảy ra.

- ***Rủi ro thanh khoản:***

• Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi TVB mất khả năng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán một phần hoặc toàn bộ của khoản nợ khi đến hạn và không đáp ứng được yêu cầu trong thanh toán của Nhà đầu tư trên tài khoản được mở tại TVB.

• Công ty đã xây dựng và ban hành các văn bản nội bộ đối với công tác quản trị rủi ro thanh khoản để đảm bảo công tác nhận diện, đo lường theo dõi và kiểm soát rủi ro được thực thi tối ưu, hiệu quả nhất.

- ***Rủi ro tín dụng:***

• Rủi ro tín dụng là rủi ro phát sinh khi khách hàng, ngân hàng, đối tác không thể thực hiện thanh toán đầy đủ, kịp thời cho TVB các khoản tiền cho vay, tiền gửi hoặc các khoản đầu tư vào công cụ nợ như trái phiếu.

• Khi thực hiện các giao dịch với các tổ chức tài chính khác, TVB luôn xem xét một cách tương đối thận trọng dựa trên kết quả của việc đánh giá xếp hạng tín nhiệm của tổ chức tài chính. Hoạt

động này thường xuyên được thực hiện một cách định kỳ nhằm phản ánh kịp thời và chính xác nhất rủi ro của công ty.

- ***Rủi ro hoạt động:***

• Rủi ro hoạt động là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống công nghệ thông tin hoặc do quy trình, nghiệp vụ thủ tục không đầy đủ hoặc do yếu tố con người trong quá trình tác nghiệp.

• Rủi ro này tiềm ẩn trong mọi hoạt động kinh doanh của công ty. Để hạn chế rủi ro này, TVB thực hiện quản trị dựa trên nguyên tắc kiểm tra chéo giữa các bộ phận, cá nhân với nhau. Ngoài ra, thực hiện tăng cường các hoạt động kiểm tra, giám sát trong nội bộ để sớm phát hiện ra sai sót và xử lý kịp thời tránh gây ra các ảnh hưởng lớn đến công ty và các bên liên quan.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### a) Tình hình tài chính năm 2022

TVB định hướng tập trung vào các sản phẩm cốt lõi, thu hẹp hoạt động kinh doanh. Điều này thể hiện qua cơ cấu tài sản của công ty. Chiến lược này đã phát huy hiệu quả trong năm 2022 và giúp TVB tiếp tục báo lãi trong năm 2022 dù con số này khá khiếm tốn so với năm 2021, tuy nhiên với bối cảnh nền kinh tế và thị trường trường chứng khoán trong năm thì đây là kết quả có thể chấp nhận được. Đặc biệt trong năm 2023 khi thị trường được dự báo là có thể sẽ có những biến động mạnh và sẽ còn khó khăn hơn năm 2022, chiến lược tập trung vào các sản phẩm cốt lõi sẽ giảm thiểu các rủi ro có thể gặp phải.

Báo cáo tài chính TVB cũng phản ánh rõ chủ trương định hướng tập trung vào các sản phẩm cốt lõi, thu hẹp hoạt động kinh doanh. Bên cạnh các nghiệp vụ cơ bản của công ty chứng khoán như tự doanh, môi giới và dịch vụ cho vay ký quỹ, các khoản mục "khác" của TVB chiếm một tỷ trọng rất nhỏ so với tổng tài sản. Cụ thể, trên BCTC ghi nhận khoản phải thu dài hạn, chi phí xây dựng dở dang hay bất động sản đầu tư không có, các tài sản dài hạn khác khoảng 15,2 tỷ.

Tăng trưởng âm về tài sản đi liền với tăng trưởng âm về nguồn vốn của Công ty. Nguồn vốn chủ sở hữu đạt 1.204,2 tỷ VNĐ cuối năm 2022, giảm gần 12% so với cuối năm 2021. Cơ cấu nguồn vốn chủ yếu bao gồm Vốn chủ sở hữu, vốn huy động từ phát hành trái phiếu dài hạn và nợ vay ngắn hạn. Tỷ lệ Nợ/ Tổng TS ở mức 9.8%, Nợ /Vốn chủ sở hữu là 10.9%. TVB có cơ cấu tài chính tốt, có khả năng tự chủ tài chính cao và còn nhiều dư địa để mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh. Tại thời điểm 31/12/2022, TVB có nguồn vốn từ phát hành trái phiếu là 114,4 tỷ, nguồn vốn chủ sở hữu là 1.204,2 tỷ. Theo đó, cơ cấu nguồn vốn của TVB gồm 90,1% vốn chủ sở hữu và 9,9% Nợ ngắn hạn. Trái phiếu TVB là trái phiếu không có tài sản đảm bảo và bảo lãnh ngân hàng, huy động với lãi suất 10,5%/năm.

**Bảng cân đối tài sản giai đoạn 2021-2022**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

| | 2021 | 2022 | yoy 2022 |
|---|---|---|---|
| Tài sản ngắn hạn | 1790.47 | 1318.93 | -26.3% |
| Tiền, tương đương tiền | 149.45 | 100.07 | -33.0% |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 498.30 | 351.70 | -29.4% |
| Các khoản phải thu | 1139.90 | 863.60 | -24.2% |
| Tài sản ngắn hạn khác | 2.70 | 3.60 | 33.3% |
| Tài sản dài hạn | 14.67 | 16.99 | 15.8% |
| Tài sản cố định | 3.10 | 1.78 | -42.6% |

| | | | |
|---|---|---|---|
| Đầu tư tài chính dài hạn | 0.00 | 0.00 | |
| Lợi thế thương mại | 0.00 | 0.00 | |
| Tài sản cố định khác | 11.57 | 15.21 | 31.5% |
| **Tổng tài sản** | **1805.14** | **1335.92** | **-26.0%** |
| Nợ phải trả ngắn hạn | 261.87 | 130.40 | -50.2% |
| Vay ngắn hạn | 94.28 | 0.00 | -100.0% |
| Phải trả cho người bán | 74.04 | 0.00 | -100.0% |
| Phải trả ngắn hạn khác | 93.56 | 130.40 | 39.4% |
| Nợ phải trả dài hạn | 175.40 | 0.00 | -100.0% |
| Vay/nợ tài chính dài hạn | 175.21 | 0.00 | -100.0% |
| Phải trả dài hạn khác | 0.00 | 0.00 | |
| **Tổng nợ** | **437.27** | **130.40** | **-70.2%** |
| Vốn chủ sở hữu | 1367.87 | 1205.40 | -11.9% |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 1120.15 | 1120.97 | 0.1% |
| Thặng dư vốn cổ phần | 16.34 | 16.69 | 2.2% |
| Chênh lệch đánh giá lại tài ản | 22.60 | 92.80 | 310.6% |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 240.92 | 154.05 | -36.1% |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 0.00 | 0.00 | |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 0.00 | 0.00 | |
| Các quỹ | 13.08 | 6.54 | -50.0% |
| **Tổng nguồn vốn** | **1805.14** | **1335.92** | **-26.0%** |

Sau thành tựu đạt được của năm 2021, do ảnh hưởng của sự biến động giảm TTCK Việt Nam, năm 2022 biên lợi nhuận sau thuế của TVB giảm mạnh xuống còn 11% so với 62% của năm 2021.

**b) Kết quả Kinh doanh**

Trải qua hơn 17 năm hoạt động và chứng kiến những biến động của thị trường chứng khoán, TVB đã bước từng bước vững chắc, dần kiện toàn các mảng dịch vụ và sản phẩm bao gồm Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Cá nhân và Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Tổ chức (môi giới, lưu ký, tư vấn đầu tư), Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (tư vấn tài chính cho khách hàng doanh nghiệp), Đầu tư Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính với mong muốn cung cấp cho Khách hàng những trải nghiệm tốt nhất và các sản phẩm phù hợp, giúp cho Khách hàng tối ưu hóa lợi nhuận và linh hoạt trong hoạt động đầu tư. TVB tiếp tục ưu tiên và dành nhiều nguồn lực nghiên cứu, phát triển công nghệ thông tin cũng như đa dạng hóa các sản phẩm, song song với việc mở rộng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự nhằm sẵn sàng đáp ứng tốt nhất yêu cầu của Khách hàng trong giai đoạn tới.

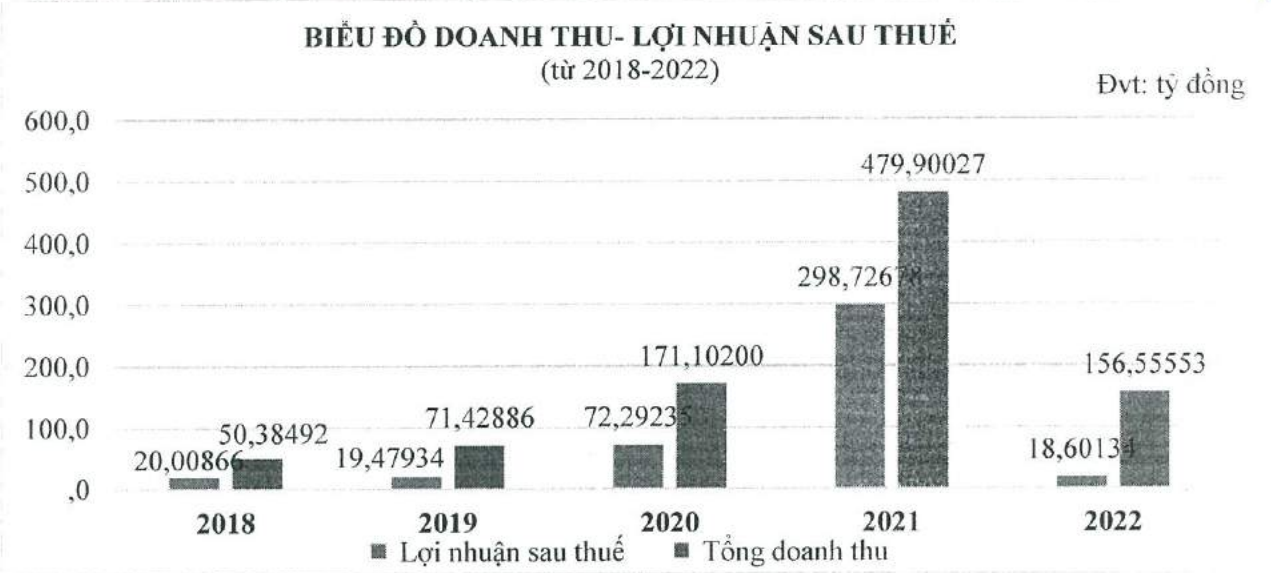


Lũy kế năm 2022, doanh thu từ nghiệp vụ môi giới chứng khoán và doanh thu từ dịch vụ cho vay ký quỹ lần lượt đạt 45,7 tỷ đồng và 81,7, giảm 0,34 và 0,76 lần so với năm 2021. Hoạt động đầu tư ghi nhận 12,8 tỷ đồng doanh thu trong năm 2022, chiếm 8,1% tổng doanh thu và chỉ bằng 7% so với năm 2020.

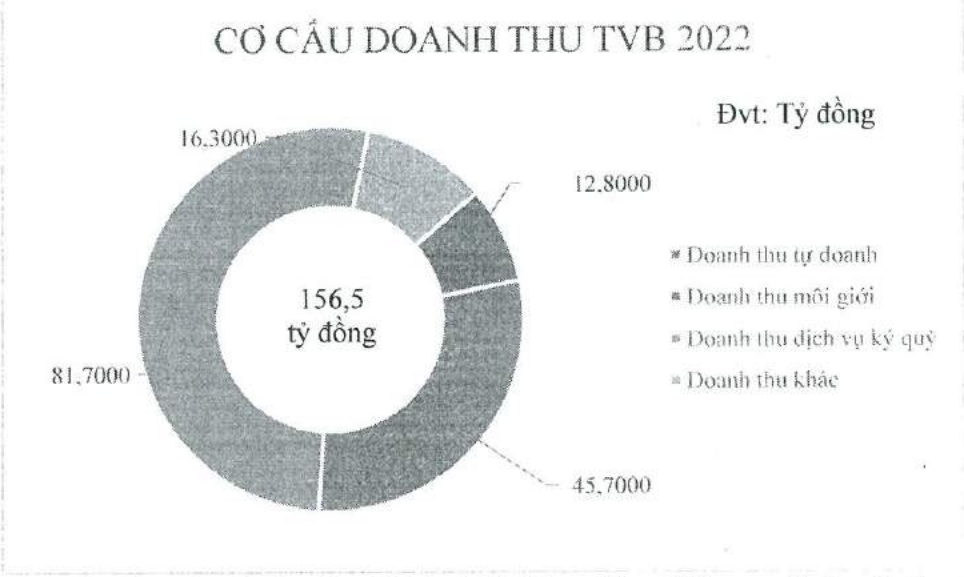


Năm 2022, TVB ghi nhận doanh thu đạt 156,5 tỷ VNĐ – giảm 67% so với doanh thu năm 2021, đạt 78,3% kế hoạch kinh doanh năm 2022. Lợi nhuận sau thuế đạt 18,6 tỷ VNĐ, giảm 93,8% so với kết quả năm 2021, đạt 23,5% kế hoạch.

Trong năm 2022, TVB đã thực hiện việc tăng vốn điều lệ từ 1.120,15 tỷ đồng lên 1.120,97 tỷ đồng. Hầu hết tiền công ty huy động được để bổ sung phục vụ hoạt động cấp margin. Trong 03 năm gần đây, các khoản cho vay của TVB tăng trưởng lần lượt là 90%,92% và (-23%)YoY. Phần lớn khoản mục này đến từ nghiệp vụ cho vay ký quỹ.

Mảng hoạt động cho vay ký quỹ tăng là tiền đề kéo theo tăng trưởng của hoạt động môi giới. Tuy nhiên năm 2022 do biến đống của thị trường chứng khoán khiến doanh thu hoạt động môi giới năm 2022 giảm 65% (từ 132,6 tỷ đồng năm 2021 xuống còn 45,7 tỷ đồng năm 2022).

Nếu tính chung cả giai đoạn 05 năm gần đây từ 2018 đến năm 2022 thì tốc độ tăng vốn bình quân là 55,1%, trong khi tốc độ tăng lợi nhuận sau thuế bình quân là 122%.

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

| **I.Chỉ tiêu** | **2018** | **2019** | **2020** | **2021** | **2022** | **Bình quân 05 năm 2018-2022** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Lợi nhuận sau thuế | 20,01 | 19,48 | 72,29 | 298,73 | 18,6 | 85,82 |
| Vốn điều lệ | 161,92 | 485,75 | 547,26 | 1.120,15 | 1.120,97 | 687,21 |
| **II. Tốc độ tăng trưởng** | | **YOY 2018** | **YOY 2019** | **YOY 2020** | **YOY 2021** | **Bình quân 05 năm 2018-2022** |
| Lợi nhuận sau thuế | | -2,6% | 271,1% | 313,2% | -93,8% | 122,0% |
| Vốn điều lệ | | 200,0% | 12,7% | 104,7% | 0,1% | 55,10% |

**c) Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh**

❖ **Bức tranh nền kinh tế thế giới:**

Trái với dự kiến phục hồi nhanh sau đại dịch Covid-19, kinh tế toàn cầu năm 2022 đối mặt với hàng loạt những thách thức lớn, bao gồm sức ép lạm phát và kinh tế tăng trưởng chậm lại do tác động của các biến động kinh tế, địa - chính trị thế giới, như: xung đột chính trị giữa Nga và Ukraine, chính sách Zero-Covid của Trung Quốc và xu hướng thắt chặt tiền tệ ứng phó với lạm phát tăng cao.

✓ ***Xung đột chính trị giữa Nga và Ukraine gây ra nhiều hệ lụy tới kinh tế toàn cầu năm 2022***: Đây là nguyên nhân gây ra việc tăng giá năng lượng và một số hàng hóa thiết yếu cùng với tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng. Chiến sự tại Ukraine hiện đã diễn ra gần một năm và chưa có dấu hiệu hạ nhiệt. Căng thẳng giữa phương Tây đối với Nga cũng ngày càng gia tăng, với nhiều lệnh trừng phạt về kinh tế được các nước phương Tây áp đặt đối với Nga. Xung đột ngoài việc làm

tăng mạnh chi phí sinh hoạt và hủy hoại sinh kế của người dân tại nhiều nước, còn dẫn đến một cuộc khủng hoảng năng lượng nghiêm trọng ở châu Âu. Giá khí đốt ở châu Âu đã tăng hơn 4 lần kể từ năm 2021, khi Nga cắt giảm lượng khí đốt giao hàng xuống dưới 20% so với mức năm 2021. Cuộc xung đột cũng đã đẩy giá lương thực trên thế giới lên cao, gây khó khăn nghiêm trọng, đặc biệt là ở các nước có thu nhập thấp.

✓ ***Đại dịch Covid-19 tiếp tục ảnh hưởng:*** Mặc dù đã được kiểm soát ở phần lớn các nước, tác động của đại dịch vẫn đặc biệt nghiêm trọng ở Trung Quốc, dẫn tới sự suy giảm tăng trưởng của nền kinh tế này trong quý II/2022 và góp phần làm chậm hoạt động toàn cầu. Chính sách kiểm soát dịch Covid-19 làm suy yếu cả sản xuất và tiêu dùng. Mức sử dụng năng lực sản xuất trong nước của Trung Quốc đã giảm xuống dưới 76% trong quý II - mức thấp nhất trong 5 năm. Sự gián đoạn chuỗi sản xuất ở Trung Quốc không chỉ tác động trong nước, mà còn lan rộng ra quốc tế, khi nhu cầu của Trung Quốc giảm làm giảm nhu cầu với hàng xuất khẩu của các nước khác, đồng thời cũng gây nên sự khan hiếm đầu vào khiến lạm phát tăng cao ở nhiều nước.

✓ ***Lạm phát và giá cả hàng hóa tăng cao:*** Lạm phát toàn cầu tăng mạnh trong năm 2022. Xung đột tại Ukraine khiến giá dầu và giá cả hàng hóa toàn cầu tăng cao. Giá dầu thế giới đã duy trì mức trung bình trên 100 USD/thùng trong 5 tháng liên tiếp, từ tháng 4-7/2022. Giá dầu và các hàng hóa cơ bản thế giới tăng cao đã khiến lạm phát tại nhiều quốc gia tăng lên mức kỷ lục. Tại Mỹ, lạm phát tháng 5/2022 đã lập đỉnh 40 năm ở mức 8,6%. Tại châu Âu, giá tiêu dùng đang tăng với tốc độ trên 8%. Theo ngân hàng Goldman Sachs, giá năng lượng ở khu vực đồng Euro - tăng với tốc độ là 39% vào tháng 5 - đóng góp khoảng 4 điểm % vào lạm phát, so với 2 điểm % ở Mỹ. Ở các nước Đông Nam Á, lạm phát cũng phá kỷ lục mới: 7,1% tại Thái Lan, 5,4% ở Philippines và 3,47% tại Indonesia vào tháng 5/2022.

✓ ***Xu hướng thắt chặt tiền tệ:*** Nhằm đối phó với tình trạng lạm phát leo thang, các quốc gia đã áp dụng thắt chặt tiền tệ mạnh hơn. Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) đã liên tục tăng lãi suất cơ bản với mức tăng cao hơn kế hoạch lúc đầu [1]. Ngày 14/12/2022, Fed đã nâng lãi suất tham chiếu thêm 50 điểm cơ bản, đánh dấu sự thay đổi của Fed sau một năm chưa từng có tiền lệ với 7 lần nâng lãi suất nhằm kiềm chế lạm phát hiện cao nhất 40 năm. Tại châu Âu, lạm phát cao kỷ lục 8,1% đã khiến EU đưa ra một loạt động thái, bao gồm cả việc chấm dứt chương trình mua tài sản lâu dài của mình vào cuối tháng 12. Ngày 21/7/2022, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã quyết định tăng lãi suất lần đầu tiên sau 11 năm. Một số nền kinh tế chủ chốt khác cũng trong xu hướng gia tăng thắt chặt tiền tệ, gồm: Ấn Độ, Hàn Quốc, Úc, Anh, Canada.

✓ ***Biến động thị trường tiền tệ:*** Do cắt giảm lãi suất quá nhanh với quy mô lớn và liên tục, tỷ giá các đồng tiền trên thế giới biến động mạnh trong năm 2022 so với đồng USD. Đồng USD tăng giá rất mạnh so với các ngoại tệ khác. Nguy cơ tổn thương lớn hơn của kinh tế EU và Nhật Bản trước tình trạng giá cả hàng hóa và năng lượng gia tăng cũng khiến cho hai đồng tiền này mất giá so với đồng USD. Ngày 13/7/2022, lần đầu tiên trong lịch sử, đồng EUR đã về mức ngang giá so với đồng USD, sau đó đã phục hồi dần và hiện ở mức 1,06 EUR/USD. Tỷ giá Yên/USD đã giảm xuống mức 146,86 Yên đổi một USD ngày 12/10/2022, vượt qua mốc thấp kỷ lục trước đó.

✓ ***Thương mại hàng hóa toàn cầu suy giảm:*** Các dấu hiệu tăng trưởng chậm lại bắt đầu từ quý II/2022 với các chỉ số về đơn hàng và xuất khẩu giảm. IMF (2022) ước tính tăng trưởng thương mại toàn cầu sẽ chậm lại từ 10,1% năm 2021 xuống 4,3% năm 2022 và 2,5% năm 2023. Đây là mức tăng trưởng cao hơn so với năm 2019, khi các rào cản thương mại gia tăng đã hạn chế thương mại toàn cầu và trong cuộc khủng hoảng dịch Covid-19 năm 2020, nhưng thấp hơn nhiều so với mức trung bình trước đây (4,6% cho giai đoạn 2000-2021 và 5,4% cho giai đoạn 1970–2021). Tốc độ chậm lại chủ yếu phản ánh sự suy giảm trong tăng trưởng sản lượng toàn cầu.

❖ **Nền kinh tế Việt Nam năm 2022.**

GDP năm 2022 tăng 8,02% so với năm trước, đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011 - 2022(3) do nền kinh tế khôi phục trở lại. Trong mức tăng của tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%, đóng góp 5,11%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%, đóng góp 38,24%; khu vực dịch vụ tăng 9,99%, đóng góp 56,65%(4). Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu có nhiều biến động mạnh và khó đoán định, tăng trưởng ở hầu hết các quốc gia và khu vực cho thấy nhiều bất ổn và thách thức, tăng trưởng kinh tế Việt Nam được đánh giá cao bởi kết quả thực tế ở các giai đoạn 6 tháng, 9 tháng và cả năm 2022 đều nằm trong và vượt

dự báo tăng trưởng theo kịch bản đưa ra tại Nghị quyết số 01/NQ-CP. Thực tế này phần nào cho thấy hiệu quả của công tác điều hành hỗ trợ cho đà phục hồi và cải thiện khả năng chống chịu của nền kinh tế.

Thị trường chứng khoán năm 2022: Tiếp nối đà tăng của năm 2021, chỉ số thị trường đã duy trì được mức tăng mạnh mẽ trong những tháng đầu năm, trong đó đạt mức đỉnh lịch sử là 1.528,57 điểm vào ngày 6/1/2022. Nhưng sau đó, trước những ảnh hưởng đến từ tình hình kinh tế - xã hội trong và ngoài nước, TTCK Việt Nam bước vào giai đoạn điều chỉnh mạnh và đạt mức thấp nhất vào ngày 15/11/2022 khi chỉ số VN- Index đóng cửa ở mức 911,9 điểm; sau đó đã có những tuần hồi phục tích cực. Chỉ số VN-Index đóng cửa ngày 30/12/2022 là 1007,09 điểm, giảm 32,8% so với cuối năm 2021; chỉ số HNX-Index đóng cửa ở mức 205,31 điểm, giảm 56,7% so với cuối năm 2021.

Về quy mô niêm yết và đăng ký giao dịch, đến cuối tháng 12/2022, thị trường có 757 cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết trên hai Sở giao dịch chứng khoán (SGDCK) và 856 cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCoM với tổng giá trị niêm yết, đăng ký giao dịch đạt 1.983 nghìn tỷ đồng, tăng 14% với cuối năm 2021, tương đương 23,4% GDP. Vốn hóa thị trường cổ phiếu tính đến cuối năm 2022 trên cả 3 sàn giao dịch (HOSE, HNX và UPCoM) đạt 5.227 nghìn tỷ đồng, giảm 32,7% so với cuối năm 2021, tương đương 61,6% GDP năm 2021 và 55% GDP ước tính năm 2022.

Cùng với diễn biến giảm điểm của VN-Index, thanh khoản thị trường cũng có xu hướng giảm liên tục trong giai đoạn này: từ mức giao dịch bình quân 31.160 tỷ đồng/phiên trong quý I/2022, thanh khoản bắt đầu giảm mạnh từ tháng 4 và xuống mức thấp nhất trong tháng 11 với giá trị giao dịch bình quân chỉ đạt 13.017 tỷ đồng/phiên, giảm 58,2% so với quý I.

Tuy thanh khoản đã tăng trở lại trong tháng 12/2022, đạt 16.241 tỷ đồng/phiên, tăng 24,8% so với tháng 11, nhưng tính chung cả năm 2022, giá trị giao dịch bình quân chỉ đạt 20.168 tỷ đồng/phiên, giảm 24,1% so với bình quân năm 2021.

❖ **Bức tranh toàn cảnh của TVB năm 2022**

Năm 2022, tổng tài sản TVB giảm khoảng 26% so với năm 2021, đạt gần 1.335,9 tỷ VNĐ tại ngày 31/12/2022, trong đó mức vốn chủ sở hữu đạt 1.204,2 tỷ VNĐ. Năm 2021, Tổng tài sản của TVB đạt 1.805,1 tỷ đồng trong đó dư nợ ký quỹ chiếm 61,7% tương đương với 1.008,8 tỷ đồng, thì đến năm 2022 dư nợ ký quỹ chỉ đạt 365,1 tỷ đồng chiếm 27,3% tổng tài sản và bằng 36,1% dư nợ ký quỹ của năm 2021. TVB tăng trưởng âm trong năm 2022 do ảnh hưởng kép từ sự biến động thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2022 và vấn đề nội tại của TVB, đặc biệt các vấn đề liên quan đến lãnh đạo của TVB trong năm đã tác động không nhỏ đến niềm tin của nhà đầu tư và cộng đồng cổ đông cho TVB. Tuy nhiên với chiến lược minh bạch thông tin đã tạo tiền đề giúp TVB dần lấy lại sự ủng hộ của cổ đông và nhà đầu tư. Kết thúc năm 2022 tuy các chỉ số hiệu quả kinh doanh đều sụt giảm nhưng LNST của TVB vẫn đạt mức hơn 18 tỷ đồng.

*Đơn vị tính: Đồng*

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | Tăng trưởng | Tỷ trọng |
|---|---|---|---|---|
| Doanh thu | 479.900.265.455 | 156.555.532.496 | -67% | 100% |
| Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ | 186.843.746.106 | 12.884.474.899 | -93% | 8,2% |
| Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 5.489.538.082 | 5.290.739.717 | -4% | 3,4% |
| Lãi từ các khoản cho vay và phải thu | 106.705.758.668 | 81.799.357.736 | -23% | 52,2% |

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | Tăng trưởng | Tỷ trọng |
|---|---|---|---|---|
| Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) | 49.735.670 | 5.453.549.022 | 1.086,5% | 3,5% |
| Doanh thu nghiệp vụ môi giới CK | 132.611.166.559 | 45.770.962.930 | -65% | 29,2% |
| Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán | | | | 0,0% |
| Doanh thu nghiệp vụ tư vấn | 475.858.530 | 276.024.340 | -42% | 0,2% |
| Doanh thu nghiệp vụ lưu ký CK | 1.081.331.171 | 831.911.572 | -23% | 0,5% |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 550.644.066 | 1.065.306.242 | 93% | 0,7% |
| Thu nhập hoạt động khác | 1.032.735.141 | 1.406.844.592 | 36% | 0,9% |
| Thu nhập khác | 45.059.751.463 | 1.776.361.446 | -96% | 1,1% |
| Tổng chi phí | 111.559.058.797 | 138.852.557.015 | 24% | - |
| Chi phí thuế TNDN | 69.421.923.997 | (898.368.035) | | - |
| Lợi nhuận sau thuế | 298.726.777.040 | 18.601.343.516 | -94% | - |

Trong năm 2022, tất cả các chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh đều giảm mạnh so với năm 2021 (doanh thu giảm 67%, Lợi nhuận sau thuế giảm 94%), riêng chỉ tiêu tổng chi phí năm 2021 tăng 24% giải thích cho sự biến động tăng của chi tiêu Chi phí đó là trong năm 2022 chi phí tài chính của TVB tăng khá cao do phải trích lập dự phòng danh mục đầu tư chứng khoán niêm yết.

Bên cạnh đó, nếu tính cả giai đoạn 05 năm gần đây từ năm 2018-2022 thì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế vẫn lớn hơn nhiều so với tốc độ doanh thu và chi phí. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế, doanh thu và chi phí bình quân 05 năm lần lượt là 122%, 73,6% và 55,8%.

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

| Chỉ tiêu | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | Bình quân 05 năm 2018-2022 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Tổng doanh thu | 50,38 | 71,43 | 171,1 | 479,9 | 156,56 | 185,87 |
| Lợi nhuận sau thuế | 20,01 | 19,48 | 72,29 | 298,73 | 18,6 | 85,82 |
| Tổng chi phí | 25,36 | 46,98 | 87,06 | 111,56 | 138,8 | 81,95 |
| **Tốc độ tăng trưởng** | | **YOY 2018** | **YOY 2019** | **YOY 2020** | **YOY 2021** | **Bình quân 05 năm 201-2022** |
| Tốc độ tăng doanh thu | | 41,8% | 139,5% | 180,5% | -67,4% | 73,6% |
| Tốc độ tăng lợi nhuận sau thuế | | -2,6% | 271,1% | 313,2% | -93,8% | 122,0% |
| Tốc độ tăng chi phí | | 85,3% | 85,3% | 28,1% | 24,4% | 55,8% |

**2. Tổ chức và nhân sự**

**– Danh sách Ban điều hành**

❖ **Bà Trần Thị Rồng – Tổng Giám đốc**

Họ và tên : Trần Thị Rồng

Ngày sinh : 19/05/1966

Giới tính : Nữ

Nơi sinh : Ấp 1A Xã Hữu Thạnh, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

Quốc tịch : Việt Nam

Căn cước công dân : 080166001264 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 08/04/2021

Địa chỉ thường trú : 207/6 Lý Thái Tổ, P.9, Q.10, Thành phố Hồ Chí Minh

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Đại học

Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ nắm giữ |
|---|---|---|
| Từ 1991 – 2009 | XN Lega 4 – Công ty Dệt da may Xuất khẩu Legamex | Kế toán trưởng |
| Từ 2009 – 2016 | Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt | Kế toán trưởng |
| Từ 2017 – 2018 | Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt | Phó Tổng Giám đốc |
| Từ 2018 – 6/2020 | Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt | Tổng Giám đốc |
| Từ 10/2020 – 05/2022 | Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt | Giám đốc Giám đốc Chi nhánh |
| Từ 05/2022 – Nay | Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt | Tổng Giám đốc |

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Không

Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 37.500 cổ phần

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty : 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Lương quản lý

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

– **Ông Vũ Văn Toản – Quyền Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên : Vũ Văn Toản

Ngày sinh : 03/05/1983

Giới tính : Nam

Nơi sinh : Số 4, Ngách 40/43, Phố Tô Vĩnh Diện, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Quốc tịch : Việt Nam

Căn cước công dân : 036083007283 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 14/08/2017

Địa chỉ thường trú : Số 4, Ngách 40/43, Phố Tô Vĩnh Diện, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Đại học

Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ nắm giữ |
|---|---|---|
| Từ 02/2005 – 12/2009 | Công ty Cổ phần Chứng khoán GBS | Trưởng phòng Môi giới |
| Từ 01/2010 – 12/2012 | Công ty Cổ phần Chứng khoán MBS | Nhân viên Môi giới |
| Từ 01/2013 – 11/2017 | Công ty Cổ phần Nhựa Pha Lê | Phó Tổng Giám đốc |
| Từ 02/2018 – 01/2020 | Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt | Trưởng phòng Môi giới 8 |
| Từ 01/2020 – 02/2021 | Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt | Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp |
| Từ 02/2021 – 03/2022 | Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt | Phụ trách Ban kinh doanh |
| Từ 04/2022 – Nay | Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt | Quyền Phó Tổng Giám Đốc |

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Quyền Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Không

Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 30.050 cổ phần

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty : 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Lương quản lý

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

– **Ông Lê Thanh Tùng – Kế toán trưởng**

Họ và tên : Lê Thanh Tùng

Ngày sinh : 11/07/1987

Giới tính : Nam

Nơi sinh : Phố 8, Phường Quảng Hưng, TP Thanh Hóa

Quốc tịch : Việt Nam

Căn cước công dân : 038087009904 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 28/03/2018

Địa chỉ thường trú : Phố 8, Phường Quảng Hưng, TP Thanh Hóa

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Đại học

Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ nắm giữ |
|---|---|---|
| Từ 09/2009 – 2011 | Công ty Cổ Phần ô tô Xuân Kiên Vinaxuki | Chuyên viên kế toán |
| Từ 2011 – 2013 | Công ty Cổ Phần ô tô Xuân Kiên Vinaxuki | Kế toán tổng hợp |
| Từ 2014 – 2018 | Công ty Cổ Phần ô tô Xuân Kiên Vinaxuki | Phó phòng tài chính |
| Từ 05/2018 – 08/2019 | Công ty Cổ Phần ô tô Trường Hải | Kế toán tổng hợp |
| Từ 10/2020 – 09/2021 | Công ty Cổ Phần chứng Khoán Trí Việt | Phó phòng kế toán |
| Từ 10/2021 – 11/2021 | Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Trí Việt | Phụ trách phòng kế toán |
| Từ 2021 – Nay | Công ty Cổ phần Đầu tư Phất Lộc | Thành viên HĐQT |
| Từ 02/2022 – 01/2023 | Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt | Kế toán trưởng |
| Từ 12/2021 – Nay | Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Trí Việt | Kế toán trưởng |

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Kế toán trưởng

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Không

Số cổ phiếu sở hữu cá nhân : 35.000 cổ phần

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty : 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Lương quản lý

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

– **Những thay đổi trong ban điều hành**

- Ngày 04/01/2022, Nghị quyết HĐQT thông qua việc giao quyền Phó Tổng Giám đốc đối với ông Vũ Văn Toản.
- Ngày 07/02/2022, Nghị quyết HĐQT thông qua việc giao quyền Phó Tổng Giám đốc đối với bà Đỗ Thị Nga.
- Ngày 28/01/2022, Nghị quyết HĐQT thông qua việc miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc đối với ông Thân Đức Cường.
- Ngày 07/02/2022, Nghị quyết HĐQT thông qua việc giao quyền Tổng Giám đốc đối với ông Bùi Minh Tuấn.
- Ngày 21/04/2022, Nghị quyết HĐQT thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Đỗ Đức Nam.
- Ngày 04/05/2022, Nghị quyết HĐQT thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với bà Lê Thị Thu Hương.

- Ngày 19/05/2022, Nghị quyết HĐQT thông qua việc bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với bà Trần Thị Rồng.
- Ngày 15/09/2022, Nghị quyết HĐQT thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Quyền Phó Tổng Giám đốc đối với bà Đỗ Thị Nga.
- Ngày 06/07/2022, Nghị quyết HĐQT thông qua việc miễn nhiệm chức danh Quyền Tổng Giám đốc đối với ông Bùi Minh Tuấn.

– Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Tại thời điểm 31/12/2022, tổng số lao động trong Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt là 102 cán bộ nhân viên (CBNV) với cơ cấu cụ thể như sau:

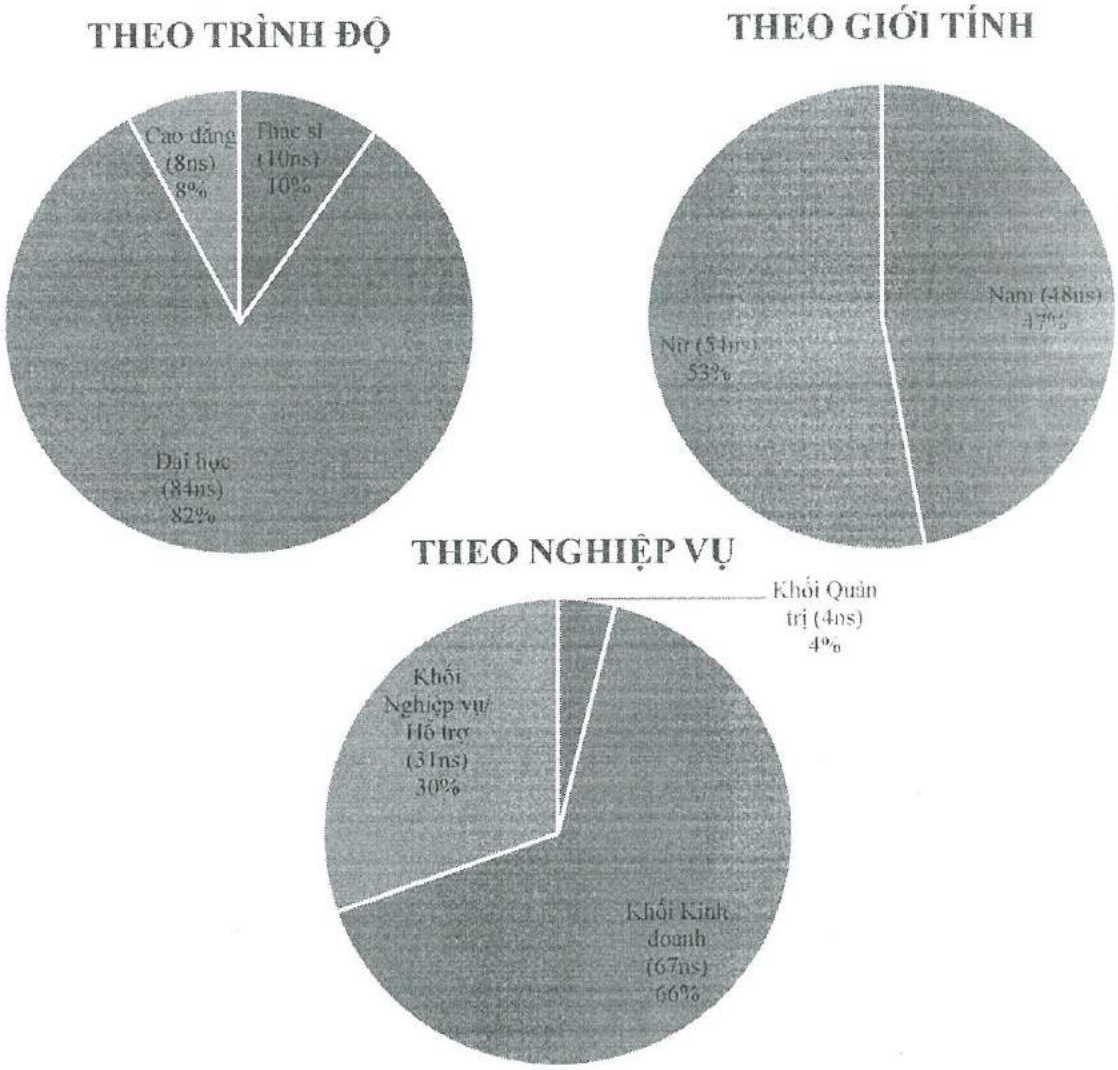


Tại TVB, đội ngũ cán bộ nhân viên luôn được tạo cơ hội phát triển toàn diện về trình độ chuyên môn và kỹ năng mềm phù hợp với từng vị trí công việc được đảm nhận, với lộ trình thăng tiến và cơ hội nghề nghiệp lâu dài cùng chính sách lương thưởng và chế độ phúc lợi cạnh tranh theo năng lực. Nguyên tắc của TVB là lấy yếu tố "Con người" làm động lực cho nền tảng phát triển bền vững Các yếu tố con người đã được TVB chú trọng phát và phát huy một cách hiệu quả, công ty cũng đã thành công trong việc hình thành tác phong chuyên nghiệp trong toàn thể CBNV và tạo một môi

trường làm việc hài hòa, hiệu quả với tinh thần sẵn sàng đón nhận cùng chinh phục những thử thách mới.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

**a) Các khoản đầu tư lớn:**

| Mã chứng khoán | Số lượng | Giá trị đầu tư |
|---|---|---|
| HPG | 4.361.199 | 171.282.859.675 |
| FPT | 2.317.701 | 178.230.626.093 |
| MWG | 1.495.000 | 66.665.000.000 |
| NKG | 1.300.000 | 17.400.000.000 |
| DDV | 1.051.000 | 9.297.520.000 |

**b) Các công ty con, công ty liên kết:** Không có.

**4. Tình hình tài chính**

**a) Tình hình tài chính**

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | % tăng giảm |
|---|---|---|---|
| Tổng giá trị tài sản | 1.805.139.783.859 | 1.335.924.049.453 | -25,99% |
| Doanh thu thuần | 434.289.869.926 | 154.779.171.050 | -64,36% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 323.289.448.090 | 16.483.809.189 | -94,90% |
| Lợi nhuận khác | 45.051.758.569 | 1.219.166.292 | -97,29% |
| Lợi nhuận trước thuế | 368.341.206.659 | 17.702.975.481 | -95,19% |
| Lợi nhuận sau thuế | 298.726.777.100 | 18.601.343.516 | -93,77% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | | | |

– Các chỉ tiêu khác.

**b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| **1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán** | | | |
| *+ Hệ số thanh toán ngắn hạn* | | | |
| Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn | 6,84 | 10,11 | |
| *+ Hệ số thanh toán nhanh* | | | |
| Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho / Nợ ngắn hạn | 6,84 | 10,11 | |
| **2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn** | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,24 | 0,10 | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 0,32 | 0,11 | |
| **3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động** | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho | | | |
| Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | | | |
| + Vòng quay tổng tài sản | | | |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân | 0,31 | 0,10 | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| **4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời** | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,69 | 0,12 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 0,22 | 0,02 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 0,17 | 0,01 | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 0,74 | 0,11 | |

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.**

**a) Cổ phần:**

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 112.097.019 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 112.097.019 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 3.248.250 cổ phiếu
- Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài: Không

**b) Cơ cấu cổ đông:**

| STT | Đối tượng | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số lượng cổ đông | Cơ cấu cổ đông | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Tổ chức | Cá nhân |
| 1 | Cổ đông Nhà nước | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Cổ đông sáng lập/ Cổ đông FDI | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cổ phần trở lên) | 56.576.356 | 50,47 | 1 | 1 | 0 |
| 4 | Cổ đông khác | 55.520.663 | 49,53 | 10.324 | 49 | 10.275 |
| **Tổng cộng** | | **112.097.019** | **100** | **10.325** | **50** | **10.275** |
| *Trong đó:* | | | | | | |
| *– Trong nước* | | 110.413.343 | 98,49 | 9.770 | 41 | 9.729 |
| *– Nước ngoài* | | 1.683.676 | 1,51 | 555 | 9 | 546 |

*(Căn cứ theo Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng ngày 28/06/2022 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt)*

– Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: **30%** (Theo Thông báo số 874/UBCK-QLKD ngày 21/02/2022 của UBCKNN về báo cáo tỷ lệ sở hữu nước ngoài).

**c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

| Thời gian | Vốn điều lệ trước khi phát hành | Số vốn tăng thêm | Vốn điều lệ sau phát hành | Hình thức tăng vốn | Cơ sở pháp lý |
|---|---|---|---|---|---|
| 22/12/2006 | 28.000.000.000 | | | Góp vốn thành lập Công ty | –Giấy CNĐKKD số 0103015199 do Sở KH-ĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 22/12/2006.<br>–Giấy phép hoạt động số 46/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 28/12/2006. |
| Tháng 07/2010 | 28.000.000.000 | 23.800.000.000 | 51.800.000.000 | Phát hành cho cổ đông hiện hữu:<br>+ Số lượng phát hành: 2.380.000 CP;<br>+ Giá phát hành: 10.000 đồng/ CP;<br>+ Số lượng NĐT mua: 07 | –Giấy phép điều chỉnh Giấy phép Thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 346/UBCK-GP do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 20/08/2010.<br>–NQ ĐHĐCĐ số 115/NQ-ĐHĐCĐ/PSC ngày 22/7/2010.<br>–NQ HĐQT TVB số 117/NQ-HĐQT/TVB ngày 26/07/2010. |
| Tháng 08/2010 | 51.800.000.000 | 44.200.000.000 | 96.000.000.000 | Phát hành riêng lẻ:<br>+ Số lượng phát hành: 4.420.000 CP;<br>+ Giá phát hành: 10.000 đồng/CP;<br>+ Số lượng NĐT mua: 18 | –Giấy phép điều chỉnh Giấy phép Thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 351/UBCK- GP do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 27/09/2010. |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | –NQ ĐHĐCĐ số 115/NQ-ĐHĐCĐ/PSC ngày 22/7/2010.<br>–NQ HĐQT TVB số 118/NQ-HĐQT/TVB ngày 31/08/2010 |
| Tháng 05/2017 | 96.000.000.000 | 54.200.000.000 | 150.200.000.000 | Phát hành riêng lẻ:<br>-Số lượng phát hành: 5.420.000 CP<br>-Giá phát hành: 10.000 đồng/CP<br>-Số lượng nhà đầu tư mua cổ phiếu: 03 | - NQ ĐHĐCĐ số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ/TVB ngày 20/01/2017 và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/02/2016.<br>- NQ HĐQT số 09/2017/NQ-HĐQT/TVB ngày 17/05/2017<br>- Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 20/GPĐC-UBCK ngày 31/05/2017 của Chủ tịch UBCKNN. |
| Tháng 08/2018 | 150.200.000.000 | 11.715.600.000 | 161.915.600.000 | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu:<br>-Số lượng phát hành: 1.171.560 CP.<br>- Giá phát hành: 10.000 đồng/CP<br>- Tỷ lệ trả cổ tức: 7,8% | - NQ ĐHĐCĐ số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/03/2018.<br>- NQ HĐQT số 03/2018/NQ-HĐQT/TVB ngày 22/03/2018 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2017. |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | - Giấy phép điều chỉnh thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 61/GPĐC-UBCK ngày 08/08/2018 của UBCKNN. |
| Tháng 02/2019 | 161.915.600.000 | 80.957.800.000 | 242.873.400.000 | Phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu:<br>- Tỷ lệ chào bán: 2:1<br>- Số lượng cổ phiếu phát hành: 8.095.780 CP<br>- Giá phát hành: 12.000 đồng/CP | - NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ ĐHĐCĐ/TVB ngày 20/09/2018<br>- Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 42/2019/BC-TVB ngày 26/02/2019<br>- Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 15/GPĐC-UBCK ngày 14/03/2019 của UBCKNN |
| Tháng 10/2019 | 242.873.400.000 | 242.873.400.000 | 485.746.800.000 | Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu<br>- Tỷ lệ chào bán: 1:1<br>- Số lượng cổ phiếu phát hành: 24.287.340 CP<br>- Giá phát hành: 10.000 đồng/CP | Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 66/GPĐC-UBCK ngày 30/10/2019 của UBCKNN. |
| Tháng 8/2020 | 485.746.800.000 | 35.452.030.000 | 521.198.830.000 | Phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu:<br>-Tỷ lệ chào bán: 7,3% | Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | -Số lượng cổ phiếu phát hành: 3.545.203<br>-Giá phát hành: 10.000 đồng/CP | 54/GPĐC-UBCK ngày 24/8/2020 của UBCKNN. |
| Tháng 10/2020 | 521.198.830.000 | 26.059.900.000 | 547.258.730.000 | Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty:<br>- Tỷ lệ chào bán: 4,99%<br>- Số lượng cổ phiếu phát hành: 2.605.990 CP<br>- Giá phát hành: 10.000 đồng/CP | Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty số 133/2020/BC-TVB ngày 20/10/2020. |
| Tháng 03/2021 | 547.258.730.000 | 164.179.990.000 | 711.438.720.000 | Phát hành cổ phiếu ra công chúng chào bán cho cổ đông hiện hữu:<br>- Tỷ lệ chào bán: 10:3<br>- Số lượng cổ phiếu phát hành: 16.417.999 CP<br>- Giá phát hành: 10.000 đồng/CP | Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng số 73/2021/BC-TVB ngày 10/03/2021. |
| Tháng 08/2021 | 711.438.720.000 | 355.715.890.000 | 1.067.154.610.000 | Phát hành cổ phiếu ra công chúng chào bán cho cổ đông hiện hữu:<br>- Tỷ lệ chào bán: 2:1<br>- Số lượng cổ phiếu phát hành: 355.715.890 | - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ/TVB ngày 01/03/2021<br>- Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng số 83/2021/BC-TVB ngày 07/07/2021. |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | - Giá phát hành: 10.000 đồng/CP<br>- Số lượng nhà đầu tư được phân phối: 1.963 | - Giấy phép điều chỉnh số 68/GPĐC-UBCK ngày 10/08/2021. |
| Tháng 12/2021 | 1.067.154.610.000 | 53.000.000.000 | 1.120.154.610.000 | Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty:<br>- Tỷ lệ phát hành: 4,97%<br>- Số lượng cổ phiếu phát hành: 5.300.000 CP<br>- Giá phát hành: 10.000 đồng/CP<br>- Số lượng người lao động được phân phối: 57 | - Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng số 232/2021/BC-TVB ngày 07/12/2021.<br>- Giấy phép điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 07/01/2022 |
| 2022 | 1.120.154.610.000 | 815.580.000 | 1.120.970.190.000 | Phát hành cổ phiếu ra công chúng chào bán cho cổ đông hiện hữu:<br>- Tỷ lệ chào bán: 1:1<br>- Số lượng cổ phiếu phát hành: 81.558 CP<br>- Giá phát hành: 10.000 đồng/CP<br>- Số lượng nhà đầu tư được phân phối: 94 CP | - Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng số 142/2022/BC-TVB ngày 28/06/2022<br>- Công văn số 4436/UBCK-QLKD của UBCKNN xác nhận báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu |

**d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không

**e) Các chứng khoán khác:**

Năm 2022, được sự chấp thuận của UBCKNN, Công ty TVB tiến hành đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng với số lượng cổ phiếu phát hành thành công là 81.558 cổ phiếu, nâng tổng số cổ phiếu

đang lưu hành của công ty lên 112.097.019 cổ phiếu, tương đương với 1.120.970.190.000 đồng vốn điều lệ.

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

**6.1. Tiêu thụ nước:**

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Do hoạt động kinh doanh đặc thù của doanh nghiệp không liên quan đến lĩnh vực sản xuất, lượng tiêu thụ nước của Công ty chủ yếu phục vụ cho các hoạt động vận hành văn phòng. Tổng kinh phí tiêu thụ nước phục vụ cho hoạt động kinh doanh được đơn vị cho thuê văn phòng tính toán, đã bao gồm chi phí thuê.

Toàn bộ Ban Lãnh đạo và cán bộ nhân viên Công ty luôn đảm bảo tuân thủ việc tiết kiệm nguồn tài nguyên như điện, nước, giấy văn phòng trong hoạt động và công việc tại Công ty, đồng thời có ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường.

**6.2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

**a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0**

- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Thực hiện các giải pháp tiết kiệm nước, điện và năng lượng;
- Nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên về bảo vệ môi trường, tích cực bảo vệ môi trường với nhiều hình thức khác nhau.

**b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0**

**6.3. Chính sách liên quan đến người lao động**

**a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động**

Ở thời điểm 31/12/2022, tổng số lao động trong Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt là 102 cán bộ nhân viên; Trong năm qua, mặc dù tình hình kinh tế nói chung và thị trường tài chính chứng khoán gặp nhiều khó khăn tuy nhiên công ty vẫn duy trình chính sách lương thưởng và chế độ phúc lợi cạnh tranh với mức lương trung bình đối với người lao động năm 2022 là trên 21 triệu chưa bao gồm các chế độ thưởng lễ Tết định kỳ, thưởng tháng 13 và thưởng theo kết quả công việc định kỳ cuối năm.

**b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động**

Đánh giá tầm quan trọng của chất lượng nguồn nhân lực cả về thể chất, bên cạnh đảm bảo tuân thủ đầy đủ các chính sách của nhà nước về BHYT, khám sức khỏe thường niên cho người lao động, năm 2022, TVB vẫn luôn duy trì triển khai hợp tác cùng Bảo hiểm Bảo Việt cung cấp bổ sung gói bảo hiểm sức khỏe cho CBNV có thâm niên và gắn bó với doanh nghiệp; Năm 2022, TVB đã tài trợ thẻ bảo hiểm sức khỏe cho 36 cán bộ nhân viên với tổng kinh phí khoảng 120 triệu đồng;

Bên cạnh đó, thực hiện đúng quy định của nhà nước, hàng năm TVB tổ chức khảo sát dịch vụ các bệnh viện lớn và uy tín để cung cấp gói khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

**c) Hoạt động đào tạo người lao động**

❖ Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên

- Đối với Cấp Nhân viên/Chuyên viên: tối thiểu 78 giờ đào tạo/ năm;
- Đối với Cấp Quản lý Trưởng nhóm/Phó phòng/Trưởng phòng: tối thiểu 130 giờ đào tạo/ năm;
- Đối với Cấp Giám đốc trở lên: tối thiểu 156 giờ đào tạo/ năm.

❖ Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, đặc biệt là về kỹ năng chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Công ty tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn trong và ngoài Công ty, đồng thời cử cán bộ nhân viên tham dự các khóa đào tạo chuyên đề nâng cao nghiệp vụ.

Công ty luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho CBNV phát triển toàn diện cả về trình độ Chuyên môn và kỹ năng mềm phù hợp với từng vị trí công việc đảm nhận. Các khóa đào tạo gồm các chương trình đào tạo nội bộ, đào tạo phát triển kỹ năng mềm, nâng cao kỹ năng bán hàng, các khóa đào tạo bắt buộc của UBCKNN về chứng chỉ chuyên môn để thi Chứng chỉ Hành nghề, các khóa đào tạo kỹ năng quản trị có tính ứng dụng cao.... Giúp cho CBNV vững vàng về chuyên môn, phát triển về tầm nhìn dài hạn để có những tiến bộ, thành tích trong nghề nghiệp và gắn bó lâu dài với Công ty.

**6.4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

Công ty tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, triển khai các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng.

Công ty cùng toàn thể cán bộ nhân viên triển khai thực hiện các hoạt động thiện nguyện, các chương trình, hoạt động phát triển thế hệ trẻ.

Toàn thể cán bộ nhân viên Công ty thực hiện chương trình, giải pháp tiết kiệm năng lượng và tài nguyên nước tại văn phòng, tham gia các hoạt động đóng góp, ủng hộ các chương trình an sinh xã hội và các hoạt động đầu tư, hỗ trợ vào các lĩnh vực phát triển bền vững.

Công ty cũng đồng thời đầu tư vào các cổ phiếu, trái phiếu xanh nhằm hỗ trợ việc tăng trưởng xanh, nâng cao nhận thức của nhà đầu tư và doanh nghiệp về tăn trưởng xanh và tài chính xanh.

## III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC (BAN GIÁM ĐỐC BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH MỌI MẶT CỦA CÔNG TY)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

### a) Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022

Trong năm 2022, ban TGĐ đã quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền điều hành hoạt động kinh doanh của công ty, đồng thời triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT với kết quả đạt được như sau:

- Hoạt động kinh doanh của TVB đã có những điều chỉnh giảm so với năm 2021 nguyên nhân xuất phát từ Thị trường chứng khoán Việt Nam đã bước vào downtrend trong năm 2022: Tổng doanh thu giảm - 67,38% với mức giảm của các nghiệp vụ chính là tự doanh, giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán và nghiệp vụ môi giới. Hệ quả tất là Lợi nhuận sau thuế giảm -94.18% so với năm 2021
- So với năm 2021, năm 2022: Tổng chi phí tăng 24,54%, tương đối cao so với tốc độ tăng trưởng âm doanh thu (-67,38%) và lợi nhuận sau thuế (giảm 94,18%).
- Tóm tắt kết quả kinh doanh và một số chỉ tiêu tài chính của Công ty như sau:

*Đơn vị tính: Đồng*

| Cân đối kế toán | Năm 2022 | Năm 2021 | Tăng trưởng |
|---|---|---|---|
| **Tổng tài sản** | 1,335,924,049,453 | 1,805,139,783,859 | -25.99% |
| **Vốn chủ sở hữu** | 1,204,213,752,469 | 1,367,868,945,017 | -11.96% |
| **Doanh thu** | 156,555,532,496 | 479,900,265,456 | -67.38% |
| **Chi phí** | 138,931,571,992 | 111,559,058,797 | 24.54% |
| **Lợi nhuận sau thuế** | 17,374,055,972 | 298,726,777,100 | -94.18% |
| **ROA** | 1.30% | 16.55% | -92.14% |
| **ROE** | 1.44% | 21.84% | -93.39% |
| **EPS (đồng)** | 155.05 | 3,464.00 | -95.52% |
| **Tỷ lệ an toàn vốn** | 544.12% | 719.93% | -24.42% |

*(Nguồn: Số liệu BCTC tự lập, chưa kiểm toán)*

Trong năm 2022, tất cả các chỉ tiêu về tổng tài sản và hiệu quả hoạt động của Công ty đều có sự tăng trưởng mạnh so với năm trước: Tổng Tài sản tăng 87,85%; VCSH tăng 126,96%; Các chỉ số hiệu quả hoạt động tăng mạnh: ROA tăng 119,97%, ROE tăng 82,07%; Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng cũng đã tăng 26,27%.

- Số lượng tài khoản chứng khoán:
  - Số lượng tài khoản đầu năm: 9.898 tài khoản
  - Số lượng tài khoản tăng: 1.209 tài khoản
  - Số lượng tài khoản giảm: 1.031 tài khoản
  - Số lượng tài khoản cuối năm: 10.073 tài khoản
- Dịch vụ chứng khoán:
  - Xây dựng bộ HĐ mở tài khoản, quy trình nghiệp vụ theo Luật chứng khoán mới và theo nhận diện thương hiệu mới của TVB
  - Thực hiện kiểm thử và chỉnh sửa hệ thống phần mềm theo phương án điều chỉnh thời gian hoàn tất thanh toán với chứng khoán có chu kỳ thanh toán T +2 theo chỉ đạo của VSD.
  - Kiểm thử nghiệp vụ khi P. CNTT chuyển đổi hệ thống core chứng khoán lên icloud tại CMC.
  - Kiểm thử dự án KRX với VSD, HNX, HSX.
- Tình hình nhân sự: Tính đến 31/12/2022 số lượng cán bộ nhân viên đang làm việc toàn thời gian tại công ty là 102 người, trong đó hầu hết trình độ đại học trở lên 94/102 chiếm 92%, số lượng nhân viên có chứng chỉ hành nghề là 23 chứng chỉ.

**b) Các hoạt động và thành tích nổi bật của Công ty năm 2022**

Năm 2022, bên cạnh những khó khăn do ảnh hưởng sự suy thoái nền kinh tế chung, dòng tiền bị rút ra khỏi thị trường chứng khoán, TVB đã tạo được dấu ấn riêng với những sự kiện, hoạt động và thành tựu ấn tượng:

- Ngày 17/03/2022, HĐQT TVB đã có Quyết định về việc tạm ứng 10% cổ tức bằng tiền mặt. Đây là lần thứ 2 tạm ứng cổ tức cho năm 2021.
- Ngày 25/06/2022, Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt (TVB) đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ năm 2022 theo hình thức trực tuyến.

**2. Tình hình tài chính**

**a) Tình hình tài sản**

Tổng tài sản trên Báo cáo tài chính năm 2022 đạt: 1.335,92 tỷ đồng giảm 25,99% so với cùng kỳ năm 2021. Tài sản giảm do trong năm 2022 chủ yếu là do:

- Thị trường chứng khoán có nhiều biến động, để đảm bảo an toàn cho nguồn vốn công ty đã chủ động tất toán các khoản vay ngân hàng số tiền là 94,2 tỷ đồng và thực hiện mua lại trái phiếu khi đến hạn là 60,7 tỷ đồng.
- Trong năm 2022 công ty đã thực hiện tạm ứng 10% cổ tức bằng tiền cho các cổ đông làm giảm tài sản đi 112 tỷ đồng.
- Ngoài ra Công ty đã thực hiện thanh toán công nợ phải trả năm 2021 gồm: Phải trả thanh toán bù trừ: 74 tỷ đồng và nộp thuế TNDN năm 2021 69,4 tỷ đồng.

Ngoài các khoản công nợ phải thu khó đòi cũ thì trong năm 2022 Công ty không phát sinh thêm khoản phải thu quá hạn nào mới.

**b) Tình hình nợ phải trả**

Trong năm 2022 các khoản công nợ khi đến hạn đều được Công ty đảm bảo về nghĩa vụ thanh toán, do đó không phát sinh nợ phải trả quá hạn.

Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2022 là 130 tỷ tương đương 10% tổng tài sản và đã giảm 306 tỷ so với cùng kỳ năm trước. Tỷ trọng lớn nhất các khoản phải trả là trái phiếu với tiền là 114,4 tỷ đồng. Tính tới thời điểm hiện tại công ty cũng đã tất toán đến hạn 47,9 tỷ và mua lại trước hạn 65,5 tỷ đồng trái phiếu.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.**

Trong năm 2022, TVB đã có những cải tiến hợp lý trong cơ cấu tổ chức nhằm tăng tương tác giữa các phòng ban, nâng cao hiệu quả hoạt động chung của toàn công ty, cụ thể:

- Sát nhập Trung tâm phân tích và phòng Đầu tư thành Trung tâm phân tích đầu tư. Điều này mang lại hiệu quả công việc cho hoạt động phân tích cũng như hỗ trợ kịp thời cho hoạt động đầu tư tự doanh của công ty, đồng thời tinh gọn bộ máy theo hướng nhân sự chuyên nghiệp.
- Chính sách quản lý trọng dụng người có tài, có đức, nuôi dưỡng để trở thành những cán bộ nguồn cho sự phát triển lâu dài của công ty. Năm qua công ty đã tổ chức hàng chục khóa đào tạo chuyên môn nghiệp vụ tại UBCK cho nhân viên, cán bộ quản lý.
- Chú trọng quan tâm đời sống và phúc lợi cho cán bộ nhân viên như mua bảo hiểm, các giải thưởng khuyến khích thi đua trong các bộ phận mà đặc biệt là bộ phận kinh doanh.

**4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Năm 2022, nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi tác động mạnh bởi việc tăng lãi suất của FED, chính sách tài khóa tiền tệ của trên thế giới theo hướng hút tiền về, tác động của cuộc xung đột giữa Nga-Ukraina và dư âm sau dịch Covid-19 tại Trung Quốc gây nên những tác động tiêu cực đến nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng. Lạm phát tăng cao đang khiến nhiều quốc gia sử dụng chính sách tiền tệ thắt chặt. Thị trường chứng khoán thế giới cũng đang bị giảm điểm bởi hàng loạt tác động tiêu cực từ giá nhiên liệu thô (dầu thô, khí đốt…) tăng cao, lương thực khan hiếm cùng sự đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu.

Tại Việt Nam, với tiến trình mở cửa nền kinh tế và mục tiêu tăng trưởng GDP 8%, nhiều giải pháp đã được đưa ra để giảm thiểu tác động tiêu cực từ xung đột chính trị quốc tế và kiểm soát lạm phát. Nền kinh tế Việt Nam dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng trong năm 2023 ở mức 6.5% – 7.5% thấp hơn năm 2022 là 8%. Tuy nhiên với những tín hiệu không mấy tích cực từ nền kinh tế thế giới, thị

trường chứng khoán toàn cầu và việc xử lý sai phạm trên diện rộng với nhiều ngành nghề, lĩnh vực, các vấn đề về trái phiếu doanh nghiệp, … đã khiến tâm lý nhà đầu tư bị ảnh hưởng, dao động, dòng tiền chảy vào thị trường có xu hướng giảm, … TVB nhận định thị trường sẽ có sự thanh lọc sâu rộng hướng tới phát triển lành mạnh, dự báo thị trường sẽ có một số nhịp điều chỉnh cũng như tụt giảm về khối lượng mạnh so với năm 2022 trước khi có những nhịp bứt phá vào cuối năm 2023.

Bên cạnh những yếu tố vĩ mô từ nền kinh tế thế giới và Việt Nam, cộng với những tác động từ sự thay đổi nhân sự của HĐQT nên trong thời gian tới TVB cần có thời gian để cơ cấu lại hệ thống quản trị, tái cấu trúc và định vị hoạt động kinh doanh hướng tới phát triển chuyên biệt và bền vững đồng thời khẳng định vị thế, niềm tin đối với khách hàng và cộng đồng nhà đầu tư.

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)**

Công ty đã tiến hành lập Báo cáo tài chính (BCTC) theo quy định, tuy nhiên, do sự kiện pháp lý liên quan đến Chủ tịch HĐQT Phạm Thanh Tùng, hồ sơ thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty hiện chưa được UBCKNN chấp thuận. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 29 Luật Kế toán 2015, Công ty hiện không có BCTC đã được kiểm toán do không đảm bảo quy định về thẩm quyền người ký BCTC.

Công ty đã tiến hành Công bố thông tin BCTC tự lập và đính kèm công văn giải trình gửi về các cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Công văn số 70/2023/CV-TVB ngày 30/03/2023 đính kèm BCTC tự lập năm 2022 về việc xin chậm nộp BCTC kiểm toán năm 2022 được Công ty đăng tải trên Website và gửi về các cơ quan nhà nước theo quy định). Công ty cam kết ngay sau khi hoàn tất hồ sơ Người đại diện pháp luật, Công ty sẽ thực hiện công bố BCTC năm 2022 đã được kiểm toán.

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

**a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)**

Tiếp tục thực hiện và duy trì việc tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

**b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động**

Xây dựng và củng cố tính đoàn kết trong nội bộ Công ty, coi đây là văn hóa doanh nghiệp củng cố cho sự phát triển.

Chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, đặc biệt là về kỹ năng chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Công ty luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho CBNV phát triển toàn diện cả về trình độ Chuyên môn và kỹ năng mềm phù hợp với từng vị trí công việc đảm nhận. Đẩy mạnh phong trào thi đua trong toàn thể cán bộ nhân viên Công ty.

**c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương**

Tích cực tham gia các hoạt động công tác xã hội và hoạt động nhận đạo, chung tay phát triển cộng đồng bằng nhiều chương trình, hành động thiết thực, có ý nghĩa.

## IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội**

Năm 2022 còn nhiều thách thức nói chung đến từ thị trường cũng như từ các vấn đề nội bộ của Công ty, tuy nhiên HĐQT cũng như Ban Lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty đã thể hiện được sự đồng lòng, đưa ra nhiều giải pháp, ưu tiên phát triển các sản phẩm phù hợp với chiến lược kinh doanh.

Chịu ảnh hưởng từ sự biến động của thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2022 và các vấn đề nội tại của Công ty đã tác động đến niềm tin của nhà đầu tư và cổ đông, dẫn đến tăng trưởng của Công ty trong năm 2022 tăng trưởng âm. Tuy nhiên, sự can thiệp kịp thời của Ban Lãnh đạo cùng với sự đồng hành của cán bộ nhân viên và cổ đông là tiền đề giúp Công ty có được những hoạt động, định hướng phù hợp. Hiệu quả kinh doanh của Công ty so với năm 2021 sụt giảm nhưng LNST của Công ty vẫn đạt mức hơn 17 tỷ đồng.

Công ty hướng tới mục tiêu định hình thương hiệu là công ty chứng khoán có uy tín trên thị trường: đóng góp, xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam an toàn, hiệu quả; tạo ra lợi nhuận tối đa cho các cổ đông đồng thời tạo môi trường làm việc tốt, an toàn, thu nhập cao và cơ hội thăng tiến cho cán bộ nhân viên. Ngoài ra, các mục tiêu kinh doanh của Công ty được gắn với các mục tiêu phát triển bền vững về môi trường – xã hội theo thời gian.

Công ty chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp, hiệu quả, bình đẳng và thân thiện. Trụ sở làm việc và chi nhánh Công ty được thiết kế, sửa đổi phù hợp, thoáng mát, trang bị đầy đủ cơ sở vật chất cho cán bộ nhân viên để phục vụ công việc. Cán bộ nhân viên được tổ chức việc thực hiện các văn bản chỉ đạo về bảo vệ môi trường, thực hiện tốt việc sử dụng hợp lý và tiết kiệm nguồn điện, nước sạch và giấy văn phòng.

Đối với trách nhiệm với môi trường, xã hội, Công ty tuân thủ tối đa quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện các giải pháp để tiết kiệm nước và năng lượng. Bên cạnh đó tăng cường công tác thiện nguyện, thực hiện các chương trình an sinh xã hội.

**2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

HĐQT chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, đồng thời đồng hành cùng Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các nội dung theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, đưa ra những đóng góp đối với Ban Tổng Giám đốc nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát và quản lý doanh nghiệp.

HĐQT đã thông qua việc miễn nhiệm và bổ nhiệm các nhân sự thuộc thẩm quyền, chủ động giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT. Ban Tổng Giám đốc có nhiều nỗ lực trong việc quản lý điều hành và tổ chức triển khai các hoạt động kinh doanh, xử lý kịp thời và phù hợp trong bối cảnh thị trường chứng khoán có nhiều khó khăn.

Ban Tổng Giám đốc nỗ lực thực hiện theo các mục tiêu chiến lược mà ĐHĐCĐ giao phó, áp dụng các biện pháp nâng cao năng lực quản trị điều hành theo các quy định về quản trị Công ty, quản trị rủi ro và an toàn tài chính; đảm bảo hoạt động minh bạch, hiệu quả và an toàn.

Ban Tổng Giám đốc tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình nghiệp vụ, xây dựng hệ thống cơ sở pháp lý phục vụ cho hoạt động kinh doanh, đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc nỗ lực trong việc tạo dựng và duy trì sức mạnh tập thể từ cán bộ nhân viên, nâng cao tinh thần đoàn kết – trách nhiệm và cùng đồng hành của mỗi cán bộ, nhân viên trong Công ty.

**3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

HĐQT giữ vai trò trong việc định hướng chiến lược hoạt động kinh doanh của Công ty. Quyết liệt chỉ đạo, giám sát Ban Điều hành triển khai các giải pháp kinh doanh hiệu quả, phù hợp với diễn biến của thị trường nhằm đạt được kết quả tốt nhất trong hoạt động và kinh doanh.

HĐQT ưu tiên đồng thời xây dựng và triển khai chiến lược phát triển với tầm nhìn xa, hiệu quả và bền vững, song song với việc nâng cao chất lượng kiểm soát, quản trị rủi ro, duy trì thành quả, hạn chế tối đa rủi ro trong hoạt động kinh doanh và bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư, các cổ đông.

Tiếp tục đẩy mạnh Dự án số hóa và ứng dụng hệ thống CNTT trong hoạt động quản trị, hoàn thiện để hỗ trợ tối đa cho hoạt động kinh doanh và triển khai nhiều ứng dụng trực tuyến mang lại tiện ích tối đa cho khách hàng và nhà đầu tư.

Ngoài ra, HĐQT định hướng việc đổi mới về tư duy, cách thức tổ chức, phương pháp quản trị để theo kịp với các thay đổi trong quy định pháp luật và thị trường chứng khoán. HĐQT duy trì việc họp và thảo luận thường xuyên các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT và các tiểu ban thuộc HĐQT để nắm bắt được biến động của thị trường cũng như các hoạt động của Công ty.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt đã tiến hành miễn nhiệm ông Nguyễn Tiến Sơn và ông Đỗ Thanh Hà theo đơn từ nhiệm và miễn nhiệm ông Đỗ Đức Nam do không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Đồng thời, ĐHĐCĐ thường niên 2022 cũng tiến hành bầu bổ sung ông Phan Lê Thành Long và ông Phạm Văn Khiêm giữ chức vụ Thành viên HĐQT độc lập.

Các chức vụ và trách nhiệm của mỗi thành viên HĐQT được phân chia rõ ràng và hỗ trợ, bổ sung lẫn nhau trong các công tác quản trị của Công ty nhằm ổn định và đẩy mạnh sự phát triển của Công ty, mang lại những giá trị tốt đẹp cho khách hàng, cổ đông và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty.

Danh sách thành viên HĐQT Công ty năm 2022 như sau:

| STT | Thành viên | Chức danh | Chức danh quản lý nắm giữ tại công ty khác | Số cổ phiếu sở hữu có quyền biểu quyết | | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ (%) | |
| 1 | Phạm Thanh Tùng | Chủ tịch HĐQT | Chủ tịch HĐQT TVC | 2.777.387 | 2,48 | 03/03/2020 |
| 2 | Bùi Minh Tuấn | TV HĐQT | TV HĐQT TVC | 0 | 0 | 12/11/2021 |
| 3 | Phan Lê Thành Long | TV HĐQT độc lập | | 0 | 0 | 25/06/2022 |
| 4 | Phạm Văn Khiêm | TV HĐQT độc lập | | 0 | 0 | 25/06/2022 |
| 5 | Đỗ Thanh Hà | TV HĐQT | TV HĐQT – Tổng giám đốc TVC | 1.487.026 | 1,33 | 01/03/2021 – 25/06/2022 |
| 6 | Nguyễn Tiến Sơn | TV HĐQT độc lập | TV HĐQT TVC | | | 23/04/2019 – 25/06/2022 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 7 | Đỗ Đức Nam | TV HĐQT | | 550.000 | 0,49 | 01/03/2021 – 25/06/2022 |

**b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

- Bộ phận Quản trị rủi ro: Xem xét đánh giá tính độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro đã được thiết lập trong Công ty; thực hiện kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc; kiểm soát các hoạt động của Công ty và đẩy mạnh phát triển kinh doanh.
- Bộ phận kiểm toán nội bộ: Đảm bảo hoạt động hiệu quả của Kiểm toán nội bộ; xem xét tính hiệu quả của hệ thống kiểm toán nội bộ, việc tuân thủ các quy định của Công ty và các quy định pháp luật; đánh giá việc tuân thủ các quy định về trình bày báo cáo tài chính và công bố thông tin của các báo cáo tài chính.
- Hoạt động của UBKT tuân thủ theo Điều lệ, các quy định, Quy chế của HĐQT và quy chế hoạt động của UBKT. Trợ giúp HĐQT giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh; thực hiện giám sát tính tuân thủ các quy định pháp luật của Công ty, đáp ứng yêu cầu quản trị trong thời kỳ mới.

**c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp**

- Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp thường kỳ theo đúng quy định của pháp luật và trong các trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị triển khai việc lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản trong các trường hợp phát sinh nhằm giải quyết kịp thời các công việc. Hội đồng quản trị đã họp và thông qua các Nghị quyết như sau:

| Stt | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 01/2022/NQ-HĐQT/TVB | 04/01/2022 | Giao quyền Phó Tổng giám đốc đối với ông Vũ Văn Toản | 100% |
| 2 | 02/2022/NQ-HĐQT/TVB | 04/01/2022 | Miễn nhiệm, bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh | 100% |
| 3 | 03/2022/NQ-HĐQT/TVB | 25/01/2022 | Điều chỉnh giá phát hành và phương án sử dụng vốn chi tiết thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ tỷ lệ 1:1 | 100% |
| 4 | 04/2022/NQ-HĐQT/TVB | 28/01/2022 | Miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc đối với ông Thân Đức Cường | 100% |
| 5 | 05/2022/NQ-HĐQT/TVB | 07/02/2022 | Giao quyền Tổng Giám đốc đối với ông Bùi Minh Tuấn | 100% |
| 6 | 06/2022/NQ-HĐQT/TVB | 07/02/2022 | Giao quyền Phó Tổng Giám đốc đối với bà Đỗ Thị Nga | 100% |
| 7 | 07/2022/NQ-HĐQT/TVB | 07/02/2022 | Thông qua việc cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán | 100% |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 8 | 08/2022/NQ-HĐQT/TVB | 17/03/2022 | Thông qua phương án thực hiện quyền tạm ứng cổ tức bằng tiền cho cổ đông hiện hữu lần 2 năm 2021 | 100% |
| 9 | 09/2022/NQ-HĐQT/TVB | 24/03/2022 | Về việc hoãn tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 | 83,33% |
| 10 | 10/2022/NQ-HĐQT/TVB | 29/03/2022 | Triển khai phương án thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 1:1 | 83,33% |
| 11 | 11/2022/NQ-HĐQT/TVB | 21/04/2022 | Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với Ông Đỗ Đức Nam | 83,33% |
| 12 | 12/2022/NQ-HĐQT/TVB | 04/05/2022 | Gia hạn thời gian phân phối cổ phiếu; Gia hạn thời gian chuyển nhượng quyền mua, thời gian đăng ký đặt mua và nộp tiền mua cổ phiếu | 83,33% |
| 13 | 13/2022/NQ-HĐQT/TVB | 04/05/2022 | Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với bà Lê Thị Thu Hương | 83,33% |
| 14 | 14/2022/NQ-HĐQT/TVB | 19/05/2022 | Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc | 83,33% |
| 15 | 15/2022/NQ-HĐQT/TVB | 24/06/2022 | Đề cử thành viên Hội đồng quản trị | 83,33% |
| 16 | 16/2022/NQ-HĐQT/TVB | 24/06/2022 | Thành lập ban kiểm tra tư cách cổ đông | 83,33% |
| 17 | 17/2022/NQ-HĐQT/TVB | 06/07/2022 | Bầu Chủ tịch HĐQT và thay đổi Người đại diện theo pháp luật | 100% |
| 18 | 17A/2022/NQ-HĐQT/TVB | 06/07/2022 | Phê duyệt mức thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát | 100% |
| 19 | 17B/2022/NQ-HĐQT/TVB | 06/07/2022 | Phê duyệt mức tiền lương cho thành viên viên Hội đồng quản trị | 100% |
| 20 | 17C/2022/NQ-HĐQT/TVB | 06/07/2022 | Điều chỉnh mức lương đối với bà Trần Thị Rồng | 100% |
| 21 | 18/2022/NQ-HĐQT/TVB | 14/07/2022 | Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 2022 | 100% |
| 22 | 19/2022/NQ-HĐQT/TVB | 05/08/2022 | Bổ nhiệm chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty | 100% |
| 23 | 20/2022/NQ-HĐQT/TVB | 15/09/2022 | Miễn nhiệm chức vụ Quyền Phó Tổng Giám đốc đối với Bà Đỗ Thị Nga | 100% |
| 24 | 20A/2022/NQ-HĐQT/TVB | 30/11/2022 | Về việc ông Phạm Thanh Tùng ủy quyền cho Ông Bùi Minh Tuấn tham gia dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị | 100% |
| 25 | 21/2022/NQ-HĐQT/TVB | 02/12/2022 | Bầu Chủ tịch HĐQT Công ty | 100% |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 26 | 22/2022/NQ-HĐQT/TVB | 12/12/2022 | Cử Người đại diện theo pháp luật Công ty | 100% |

**d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:**

- Thành viên HĐQT độc lập thực hiện nhiệm vụ theo phân công nhiệm vụ của ĐHĐCĐ, HĐQT và trách nhiệm đối với Công ty, tuân thủ Luật chứng khoán, Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành, tuân thủ quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ và các quy định nội bộ khác.
- Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập: Thành viên HĐQT độc lập được phân công thực hiện các công việc nhằm nâng cao tính khách quan, minh bạch trong hoạt động của HĐQT, góp phần cân đối lợi ích giữa các chủ thể có liên quan và lợi ích hợp pháp của các cổ đông trong quá trình tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Đề xuất định hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh, theo dõi hoạt động và lập báo cáo về hoạt động của HĐQT, kết quả giám sát Ban Tổng giám đốc gửi các thành viên HĐQT theo Điều lệ Công ty.

**2. Ban Kiểm soát**

**a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

| STT | Thành viên | Chức danh | Số cổ phiếu sở hữu có quyền biểu quyết | |
|---|---|---|---|---|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Lê Thị Mẫu | Trưởng Ban Kiểm soát | 0 | 0 |
| 2 | Đỗ Thị Huyền | Thành viên Ban Kiểm soát | 0 | 0 |
| 3 | Phạm Đức Minh | Thành viên Ban Kiểm soát | 95 | 0.000085 |
| 4 | Dương Phan Hương Lan | Thành viên Ban Kiểm soát | 0 | 0 |

**b) *Hoạt động của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán:***

❖ ***Số lượng cuộc họp của Ban Kiểm soát***

| STT | Ngày | Nội dung | Kết quả |
|---|---|---|---|
| 1 | 24/6/2022 | Thông qua Đơn từ nhiệm của ông Phạm Đức Minh | Nhất trí tán thành 100% |
| 2 | 05/07/2022 | Thống nhất kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban Kiểm soát | Nhất trí tán thành 100% |
| 3 | 18/08/2022 | Rà soát BCTC bán niên năm 2022 đã được soát xét | Nhất trí tán thành 100% |

❖ ***Tỷ lệ tham dự và biểu quyết***

| STT | Thành viên BKS | Số buổi tham dự | Tỷ lệ tham dự | Tỷ lệ biểu quyết | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Phạm Đức Minh | 01 | 100% | 100% | Miễn nhiệm theo Đơn từ nhiệm của Ông Phạm Đức Minh ngày 24/06/2022 |
| 2 | Đỗ Thị Huyền | 03 | 100% | 100% | Bổ nhiệm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ/TVB ngày 12/11/2021 |
| 3 | Lê Thị Mẫu | 03 | 100% | 100% | Bổ nhiệm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ/TVB ngày 12/11/2021 |
| 4 | Dương Phan Hương Lan | 02 | 100% | 100% | Bổ nhiệm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ/TVB ngày 25/06/2022 |

❖ ***Hoạt động của Ban Kiểm soát***

- Kiện toàn cơ cấu bộ máy Ban Kiểm soát.
- Kiểm tra, giám sát sự tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và tình hình thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT.
- Giám sát hoạt động của HĐQT và Ban TGĐ trong việc điều hành hoạt động kinh doanh và thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
- Đánh giá tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro.
- Rà soát báo cáo tài chính bán niên.
- Kiểm soát tính minh bạch quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

**a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

| STT | Họ và tên | Chức danh | Tiền lương (VNĐ) | Thù lao (VNĐ) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Phạm Thanh Tùng | Chủ tịch HĐQT | 1.051.282.051 | 485.846.150 |
| 2 | Bùi Minh Tuấn | Thành viên HĐQT | 4.351.768.279 | 1.122.222.221 |
| 3 | Đỗ Đức Nam | Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm) | 803.572.000 | 16.500.000 |
| 4 | Nguyễn Tiến Sơn | Phó CTHĐQT độc lập (đã miễn nhiệm) | | 33.000.000 |
| 5 | Phan Lê Thành Long | Thành viên HĐQT độc lập | | 71.888.888 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 6 | Đỗ Thanh Hà | Thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm) | | 33.000.000 |
| 7 | Phạm Văn Khiêm | Thành viên HĐQT độc lập | | 66.666.666 |
| 8 | Lê Thị Thu Hương | Phó Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm) | 1.350.879.935 | |
| 9 | Đỗ Thị Nga | Quyền Phó Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm) | 1.287.832.823 | |
| 10 | Vũ Văn Toản | Quyền Phó Tổng Giám đốc | 1.430.233.615 | |
| 11 | Trần Thị Rồng | Tổng Giám đốc | 1.137.293.860 | |
| 12 | Thân Đức Cường | Phó Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm) | 470.098 | |

**b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:**

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ (%) | Số cổ phiếu | Tỷ lệ (%) | |
| 1. | Đỗ Thanh Hà | Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 25/06/2022) – Tổng Giám đốc Công ty mẹ | 617.026 | 0,55 | 1.487.026 | 1,33 | -15/06/2022 – 01/07/2022: Mua 1.000.000 cổ phiếu, mục đích: đầu tư tài chính cá nhân.<br>- 15/12/2022: Bán 130.000 cổ phiếu, mục đích: Tài chính cá nhân. |
| 2. | Phạm Thanh Tùng | Chủ tịch HĐQT | 2.875.387 | 2,57 | 2.777.387 | 2,48 | - 15/08/2022 – 19/08/2022: Mua 132.000 cổ phiếu, mục đích: đầu tư.<br>- 06/10/2022 – 12/10/2022: Bán 200.000 cổ phiếu, mục đích: Tài chính cá nhân.<br>- 20/10/2022: Bán 30.000 cổ phiếu, mục đích: Cơ cấu danh mục.<br>- 29/11/2022 – 18/12/2022: Đăng ký bán 2.000.000 cổ phiếu, mục đích: Tài chính cá nhân. |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | *(Tạm hoãn CBTT Báo cáo KQGD do sự việc có liên quan của Ông Phạm Thanh Tùng).* |

**c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ, người có liên quan**

| STT | Tên tổ chức | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt | Công ty mẹ | GCN ĐKDN số 0106065776 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp ngày 20/12/2012 | Số 142 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, TP Hà Nội | 31/03/2022 | | Doanh thu phí tư vấn đầu tư quý 1/2022 - Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt (TVC): 17.903.529 VND | |
| 2 | Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt | Công ty mẹ | GCN ĐKDN số 0106065776 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp ngày 20/12/2012 | Số 142 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, TP Hà Nội | 21/04/2022 | NQHĐQT số 08/2022/NQ-HĐQT/TVB ngày 17/03/2022 về việc thông qua phương án thực hiện quyền tạm ứng cổ tức bằng tiền cho cổ đông hiện hữu lần 2 năm 2021. | Công ty cổ phần Chứng khoán Trí Việt trả cổ tức bằng tiền cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt (TVC): 56.576.356.000 VND | |
| 3 | Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt | Công ty mẹ | GCN ĐKDN số 0106065776 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp ngày | Số 142 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, TP | 30/06/2022 | | Doanh thu phí tư vấn đầu tư quý 2/2022 Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản | |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | 20/12/2012 | Hà Nội | | | Trí Việt (TVC): 14.938.993 VND | |
| 4 | Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt | Công ty mẹ | GCN ĐKDN số 0106065776 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp ngày 20/12/2012 | Số 142 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, TP Hà Nội | 01/01/2022 - 31/12/2022 | | Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt phải trả phí lưu ký chứng khoán tại TVB: 13.902.937 VND | |
| 5 | Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt | Công ty mẹ | GCN ĐKDN số 0106065776 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp ngày 20/12/2012 | Số 142 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội | 01/01/2022 - 31/12/2022 | | Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt phải trả phí mua bán chứng khoán tại TVB: 1.159.153.533 VND | |
| 6 | Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt | Công ty mẹ | GCN ĐKDN số 0106065776 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp ngày 20/12/2012 | Số 142 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội | 01/01/2022 - 31/12/2022 | | Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt phải trả phí chuyển khoản chứng khoán tại TVB: 2.177.040 VND | |
| 7 | Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt | Công ty mẹ | GCN ĐKDN số 0106065776 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp ngày 20/12/2012 | Số 142 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội | 01/01/2022 - 31/12/2022 | | Trả lãi tiền gửi trên tài khoản chứng khoán của Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt (TVC): 3.968.331 VND | |
| 8 | Công ty Cổ phần Tập | Công ty mẹ | GCN ĐKDN số | Số 142 Đội Cấn, | 01/01/2022 - | | Công ty Cổ phần Tập đoàn | |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt | | 0106065776 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp ngày 20/12/2012 | phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội | 31/12/2022 | | Quản lý Tài sản Trí Việt phải trả phí ứng trước tiền bán chứng khoán tại TVB: 13.516.124 VND | |
| 9 | Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt | Công ty mẹ | GCN ĐKDN số 0106065776 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp ngày 20/12/2012 | Số 142 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội | 01/01/2022 - 31/12/2023 | | Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt ứng trước tiền bán chứng khoán tại TVB: 33.483.182.909 VND | |
| 10 | Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt | Công ty mẹ | GCN ĐKDN số 0106065776 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp ngày 20/12/2012 | Số 142 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội | 01/01/2022 - 31/12/2024 | | Công ty Cổ phần Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt phải trả phí chuyển khoản chứng khoán tại TVB: 16.776.666 VND | |

**d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

Hoàn thiện hoạt động quản trị doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng nhất đảm bảo sự phát triển bền vững và lâu dài của doanh nghiệp, góp phần mang lại niềm tin từ nhiều bên liên quan và tối đa hóa lợi ích cổ đông.

Công ty xác định việc tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật về quản trị công ty tại Việt Nam nói chung, các quy định riêng áp dụng đối với công ty niêm yết là việc làm cần thiết. Các công tác quản trị của Công ty cũng đang được từng bước hoàn thiện theo thời gian, được đặt mục tiêu ổn định và kiện toàn hơn trong những năm tới.

Công ty tiếp tục rà soát các quy định của pháp luật hiện hành nhằm tuân thủ các quy định có liên quan và nâng cao quản trị nội bộ của Công ty, tập trung phân tích, đánh giá ảnh hưởng của các văn bản pháp lý mới liên quan đến lĩnh vực chứng khoán và công ty chứng khoán như Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, quy chế tổ chức và hoạt động của công ty chứng khoán, quy định về quản trị công ty….

Công ty đảm bảo tỷ lệ thành viên HĐQT độc lập theo quy định của pháp luật, phân công công việc cho các thành viên HĐQT nhằm nâng cao tính khách quan, minh bạch trong hoạt động của HĐQT.

Các cơ cấu tổ chức quản lý và quản trị Công ty sẽ dần được mở rộng và hoàn thiện theo thời gian, đáp ứng được yêu cầu của các quy định pháp luật, phù hợp với quy mô và định hướng phát triển, xây dựng mô hình quản trị tiên tiến, hạn chế sự trùng lặp về cơ cấu tổ chức kiểm soát tại Công ty và do đó nâng cao hiệu quả trong quản trị doanh nghiệp.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Ý kiến kiểm toán

Công ty đã tiến hành lập Báo cáo tài chính (BCTC) theo quy định, tuy nhiên, do sự kiện pháp lý liên quan đến Chủ tịch HĐQT Phạm Thanh Tùng, hồ sơ thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty hiện chưa được UBCKNN chấp thuận. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 29 Luật Kế toán 2015, Công ty hiện không có BCTC đã được kiểm toán do không đảm bảo quy định về thẩm quyền người ký BCTC.

Công ty đã tiến hành Công bố thông tin BCTC tự lập và đính kèm công văn giải trình gửi về các cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Công văn số 70/2023/CV-TVB ngày 30/03/2023 đính kèm BCTC tự lập năm 2022 về việc xin chậm nộp BCTC kiểm toán năm 2022 được Công ty đăng tải trên Website và gửi về các cơ quan nhà nước theo quy định). Công ty cam kết ngay sau khi hoàn tất hồ sơ thay đổi Người đại diện pháp luật, Công ty sẽ thực hiện công bố BCTC năm 2022 đã được kiểm toán.

### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

Báo cáo tài chính năm 2022 tự lập của Công ty đã được đăng tải đầy đủ trên trang website của Công ty. Địa chỉ đường link xem báo cáo tài chính là: http://tvsc.vn/bao-cao-tai-chinh/.

**XÁC NHẬN CỦA**
**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT

TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Thị Rồng

***Nơi nhận:***
- *Như Kính gửi;*
- *Lưu: HC, VPHĐQT.*